

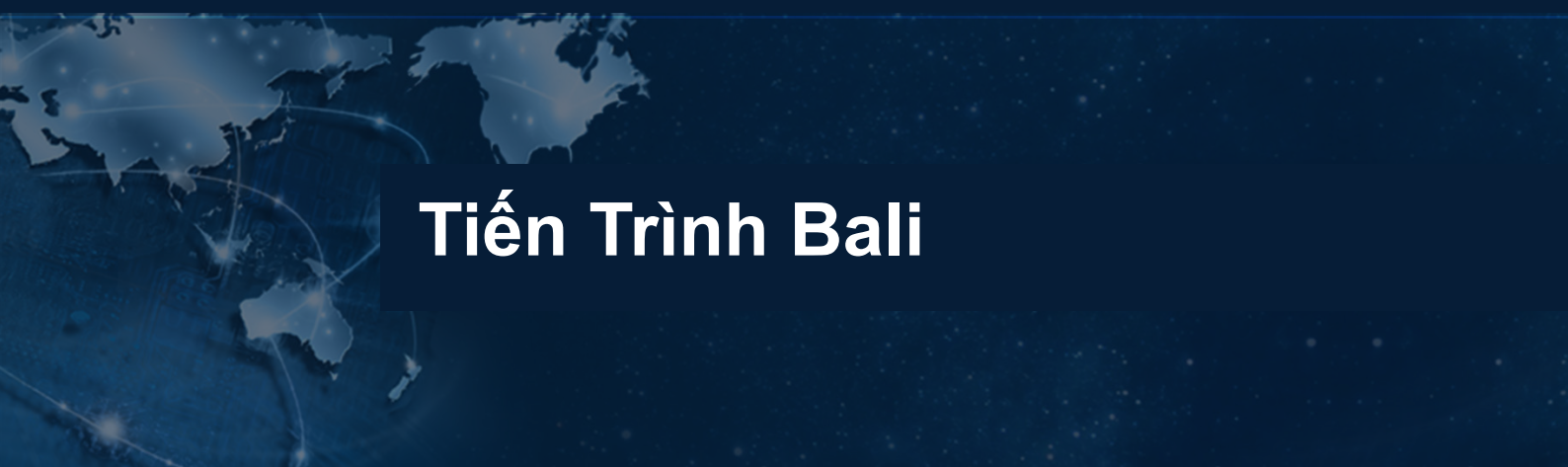
Hướng Dẫn Chính Sách về Nhận Diện Nạn Nhân Buôn Người



Tiến Trình Bali

về Đưa Người Di Cư Trái Phép, Nạn Buôn Người và Tội
Phạm Xuyên Quốc Gia Liên Quan

Tài liệu hướng dẫn giới
thiệu cho các nhà hoạch
định chính sách và các thực
hành viên



Tiến Trình Bali

Tiến Trình Bali về Đưa Người Di Cư Trái Phép, Nạn Buôn Người và Tội Phạm Xuyên Quốc Gia Liên Quan (Tiến Trình Bali) được thành lập vào năm 2002 và là một tiến trình cố vấn khu vực không ràng buộc và tự nguyện được đồng chủ trì bởi Chính phủ Úc và Indonesia và bao gồm hơn 45 quốc gia thành viên và các tổ chức.

Mọi thắc mắc về hướng dẫn chính sách này phải được gửi đến Phòng Hỗ Trợ Khu Vực (RSO) cho Tiến Trình Bali tại:

Địa chỉ email: info@rso.baliprocess.net RSO Website:
<http://www.baliprocess.net/regional-support-office>

Xuất bản tháng 5 năm 2015.

Lời Cảm Ơn

Tài liệu hướng dẫn chính sách này đã được phát triển bởi các thành viên Tiến Trình Bali, được hỗ trợ bởi Phòng Hỗ Trợ Khu Vực và dẫn đầu bởi Ủy Ban Soạn Thảo Các Hướng Dẫn Chính Sách Tiến Trình Bali, bao gồm các thành viên sau đây:



Lalu Muhamad Iqbal,
Quyền Giám Đốc về Bảo Vệ Công Dân Indonesia và Các Pháp Nhân, Bộ Ngoại Giao
Indonesia (Đồng Chủ Trì)



Jonathan Martens,
Trưởng Đơn Vị Hỗ Trợ Người Di Cư, Văn Phòng Khu Vực Châu Á và Thái Bình Dương, Tổ Chức Di Cư Quốc Tế (Đồng Chủ Trì)



Megan Chalmers,
Chuyên Viên Pháp Lý Cao Cấp,
Đơn Vị Tội Phạm Chống Lại Con Người, Bộ Tổng Chương Lý, Úc Châu



Mohamed Shifan,
Phó Giám Đốc Xuất Nhập Cảnh,
Bộ Di Trú và Nhập Cư,
Maldives



Robert Larga,
Giám Đốc về Cấp Phép và Quy Định,
Cục Quản Lý Lao Động Nước Ngoài Philippine,
Philippines



Pinthip Leelakriangsak Srisanit,
Công Tố Viên,
Vụ Quan Hệ Quốc Tế,
Văn Phòng Tổng Chương Lý,
Thái Lan



Hỗ trợ thêm cho Ủy Ban Soạn Thảo từ:
Tim Howe,
Điều Phối Viên Dự Án IOM, Phòng Hỗ Trợ Khu Vực



Tiến Trình Bali

Lời Tựa

Kể từ khi thành lập vào năm 2002, Tiến Trình Bali về Đưa Người Di Cư Trái Phép, Nạn Buôn Người và Tội Phạm Xuyên Quốc Gia Liên Quan (Tiến Trình Bali) đã nâng cao nhận thức hiệu quả trong khu vực về hậu quả của nạn đưa người di cư trái phép, nạn buôn người và tội phạm xuyên quốc gia liên quan, và đồng thời đã phát triển và thực thi các chiến lược và hợp tác thiết thực trong ứng phó. 48 quốc gia thành viên và các tổ chức quốc tế, cùng với một số nước quan sát viên và các cơ quan quốc tế, tham gia vào diễn đàn tự nguyện này.

Các Quan Chức Cấp Cao tại Hội Nghị Nhóm Đặc Biệt lần thứ tám của Tiến Trình Bali, khuyến nghị một bộ các hướng dẫn chính sách về các vấn đề về nhận diện và bảo vệ người bị buôn bán được phát triển bởi Phòng Hỗ Trợ Khu Vực Tiến Trình Bali (RSO) với sự tham khảo ý kiến từ các thành viên quan tâm. Ngoài phương hướng này, RSO đã thành lập Ủy Ban Soạn Thảo được đồng chủ trì bởi Chính Phủ Nước Cộng Hòa Indonesia và Tổ Chức Di Cư Quốc Tế (IOM) để soạn thảo các hướng dẫn chính sách. Ủy Ban Soạn Thảo này bao gồm các chuyên gia từ các Chính Phủ Indonesia, Úc, Maldives, Philippines, Thái Lan và IOM.

Ủy Ban đã họp nhóm bốn lần, trong thời gian sáu tháng, với mục tiêu phát triển các hướng dẫn giới thiệu ngắn gọn dành cho các nhà hoạch định chính sách và các thực hành viên về các vấn đề liên quan đến nhận diện và bảo vệ nạn nhân buôn người. Các bản thảo hướng dẫn được luân chuyển tới các thành viên và các quan sát viên Tiến Trình Bali để thu thập ý kiến bằng văn bản và được thảo luận và xem xét tại Hội Thảo Tham Vấn Tiến Trình Bali toàn thể được tổ chức từ ngày 23 - 24 tháng 3 năm 2015 tại Bangkok, Thái Lan. Những thành viên tham gia nhất trí rằng các hướng dẫn chính sách là nguồn tài nguyên hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách và các thực hành viên để hỗ trợ nhận diện và bảo vệ nạn nhân buôn người. Đáp lại ý kiến nhận được từ các thành viên, Ủy Ban Soạn Thảo đã sửa đổi các bản dự thảo và tổng hợp những thay đổi và khuyến nghị quan trọng.

Các hướng dẫn chính sách này nhằm cung cấp một cái nhìn tổng quan về các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực cho mục đích nhận diện và bảo vệ các nạn nhân buôn người, đúc kết bao quát các mô hình thực hành tốt từ các nước thành viên Tiến Trình Bali. Phù hợp với các khuyến nghị của Hội Nghị Bộ Trưởng Lần Thứ Năm vào tháng Tư năm 2013, những hướng dẫn chính sách này là bộ thứ hai của Các Hướng Dẫn Chính Sách Tiến Trình Bali thuộc các lĩnh vực chủ đề của Tiến Trình Bali và về các vấn đề có quan tâm đặc biệt đối với các thành viên Tiến Trình Bali. Chúng mang tính tự nguyện, không ràng buộc và với mục đích sử dụng như là các công cụ tham chiếu bởi một loạt các cơ quan trong nước ở các Chính Phủ Thành Viên Tiến Trình Bali.



Lisa Crawford
Đồng Quản Lý RSO (Úc)



Bebab A.K.N. Djundjuna
Đồng Quản Lý (Indonesia)



Từ Viết Tắt và Từ Viết Gọn

ASEAN	Hiệp Hội Các Quốc Gia Đông Nam Á
Tiến trình Bali	Tiến Trình Bali về Đưa Người Di Cư Trái Phép, Nạn, Buôn Người và Tội Phạm Xuyên Quốc Gia Liên Quan
ILO	Tổ Chức Lao Động Quốc Tế
IOM	Tổ Chức Di Cư Quốc Tế
NGO	Tổ Chức Phi Chính Phủ
Công Ước Tội Phạm Có Tổ Chức	Công Ước Liên Hợp Quốc chống Tội Phạm Có Tổ Chức Xuyên Quốc Gia
RSO	Phòng Hỗ Trợ Khu Vực của Tiến Trình Bali
Nghị Định Thư Nạn Buôn Người	Nghị Định Thư về Ngăn Chặn, Trấn Áp Và Trừng Phạt Tội Buôn Người, Đặc Biệt Là Phụ Nữ và Trẻ Em, bổ sung Công Ước Liên Hợp Quốc chống Tội Phạm Có Tổ Chức Xuyên Quốc Gia
UN	Liên Hợp Quốc
UNODC	Văn Phòng Liên Hợp Quốc về Ma Túy và Tội phạm

Nội Dung

Tóm Tắt Tổng Quan	2
Phần 1: Giới thiệu về nhận diện nạn nhân buôn người	3
1.1. Nạn nhân buôn người là ai?	3
1.2. Định nghĩa của buôn người	6
1.3. Hiểu biết các hình thức bóc lột	8
Phần 2: Nghĩa vụ, quyền lợi và thách thức	12
2.1. Tại sao nhận diện có vai trò quan trọng	12
2.2. Hiểu biết tại sao nạn nhân buôn người có thể miễn cưỡng để nhận diện chính mình	14
Phần 3: Quá trình nhận diện nạn nhân	16
3.1. Ai có thể nhận diện nạn nhân buôn người?	16
3.2. Các quá trình cơ bản	18
3.3. Các chỉ số buôn người	21
Phần 4: Tóm tắt các lời khuyên cho nhận diện nạn nhân buôn người	28



Tóm Tắt Tổng Quan

Nạn nhân buôn người là một người lệ thuộc vào tội phạm ‘buôn người’ như được định nghĩa trong *Nghị Định Thư Về Ngăn Ngừa, Trấn Áp và Trừng Phạt Tội Buôn Người, Đặc Biệt Là Phụ Nữ và Trẻ Em*. Việc không nhận diện được nạn nhân buôn người dẫn đến việc các nạn nhân bị tiếp tục bóc lột và họ không thể tiếp cận hỗ trợ và bảo vệ mà họ có quyền được hưởng. Việc đó đồng thời khiến cho các cơ quan chức năng không thể thu thập thông tin và chứng cứ cần thiết để đưa những kẻ buôn người ra công lý. Do đó nhận diện là một phần thiết yếu của quá trình ngăn ngừa và khởi tố tội phạm nghiêm trọng này, và để hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân buôn người.

Các thực hành viên có nhiều khả năng hơn trong việc nhận diện nạn nhân buôn người khi họ hiểu biết về định nghĩa pháp lý của tội buôn người, và các hình thức bóc lột khác nhau mà các nạn nhân có thể trải qua. Theo đó, Hướng Dẫn Chính Sách này cung cấp cái nhìn tổng quan về nạn buôn người và các hình thức buôn người khác nhau. Với các mục đích của Hướng Dẫn này, ‘nhận diện’ các nạn nhân buôn người được hiểu theo nghĩa rộng. Nhận diện bao gồm quá trình **sàng lọc ban đầu** tại thời điểm tiếp xúc đầu tiên và hỗ trợ và bảo vệ ban đầu được cung cấp mỗi khi một người được giả định là nạn nhân. Nhận diện cũng bao gồm **việc xác minh** tình trạng của người đó như một nạn nhân khi càng nhiều bằng chứng được đưa ra ánh sáng, và trong một số trường hợp, **xác nhận chính thức** rằng một người là nạn nhân sau kết luận của một quá trình tố tụng hình sự.

Việc nhận diện nạn nhân buôn người vốn đã khó khăn, và do đó Hướng Dẫn này khuyến khích các Chính Phủ áp dụng một **ngưỡng thấp** khi nỗ lực nhận diện một người nào đó là nạn nhân. Điều này đặc biệt hữu ích tại thời điểm tiếp xúc đầu tiên, trước khi các cơ quan chức năng đã có đủ thời gian để xây dựng độ tin cậy của người bị nghi ngờ. Một khi một người nào đó được giả định là nạn nhân, sau đó họ nên được hỗ trợ và bảo vệ thích hợp. Nếu giả định được chứng minh không có cơ sở về sau, hỗ trợ và bảo vệ có thể được điều chỉnh theo nhu cầu hoặc được thu hồi.

Các quá trình nhận diện có thể được hỗ trợ bằng việc sử dụng ‘**các chỉ số buôn người**’ như là một điểm khởi đầu để điều tra thêm. Hướng Dẫn này đề xuất một danh sách các chỉ số mẫu, bao gồm các chỉ số liên quan đến các hình thức bóc lột khác nhau, vốn có thể giúp các thực hành viên cũng như những người không chuyên nhận diện nạn nhân buôn người. Các Chính Phủ được khuyến khích cập nhật, điều chỉnh và cân nhắc các chỉ số này nhằm cung cấp cho các đối tác liên quan, bao gồm những người không chuyên, với hướng dẫn cần thiết trong các tình huống mà họ có thể gặp phải.

Mặc dù các Chính Phủ có bổn phận chính trong việc nhận diện nạn nhân buôn người, **các tổ chức phi chính phủ và xã hội dân sự** là một nguồn tài sản vô giá trong quá trình nhận diện, và cần được hỗ trợ trong vai trò rất quan trọng này mà họ có thể đóng góp trong việc xây dựng lòng tin và mối gắn kết giữa nạn nhân và các cơ quan chức năng. Các cơ quan chức năng tuyển đầu của Chính Phủ bao gồm các cán bộ có nhiệm vụ thực thi pháp luật, kiểm soát biên giới, nhập cư, lao động và các dịch vụ xã hội nên được tập huấn đúng đắn và trang bị những kỹ năng chuyên môn cần thiết để nhận diện nạn nhân được giả định theo phương pháp sẽ xem xét các đặc điểm cá nhân và tôn trọng quyền riêng tư của nạn nhân. Các thành viên cộng đồng cũng nên nhận biết hiện tượng này, và biết làm thế nào để nhận diện và giới thiệu các nạn nhân được giả định đến các cơ quan chức năng thích hợp.

Phần 1:

Giới thiệu về nhận diện nạn nhân buôn người

1.1. Nạn nhân buôn người là ai?

Buôn người là một hành vi bất hợp pháp tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, và biểu hiện những đặc điểm khác nhau giữa các vùng. Đàn ông, phụ nữ và trẻ em bị bóc lột trong một loạt các ngành công nghiệp bao gồm nông nghiệp, xây dựng, chăm sóc và ăn uống/khách sạn, công việc nội trợ, vui chơi giải trí và thể thao, lâm nghiệp, ngư nghiệp, khai thác mỏ, và dệt may. Con người có thể bị bóc lột khi họ di chuyển qua biên giới quốc tế hoặc trong phạm vi quốc gia của họ. Mặc dù có nhiều yếu tố khiến cho con người dễ bị buôn bán, nhóm người đặc biệt thuộc diện nguy cơ bao gồm người di cư không giấy tờ, người dân tộc thiểu số, trẻ em không có người lớn đi kèm. Các yếu tố như nghèo đói, thất nghiệp, bất bình đẳng giới, thiếu tiếp cận các cơ hội giáo dục và các nguồn lực và thiếu hệ thống đăng ký khai sinh cũng là những yếu tố có thể làm gia tăng khả năng nguy cơ bị buôn người.

Bất cứ ai cũng có thể là nạn nhân buôn người, bất kể tuổi tác, giới tính, khuynh hướng tình dục, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, khuyết tật, hoặc các hoàn cảnh. Đơn giản nhất, một nạn nhân buôn người là một người đã từng là nạn nhân của tội phạm buôn người. Như được nêu ra bên dưới trong Phần 1.2, *Nghị Định Thư về Ngăn Ngừa, Trấn Áp Và Trừng Phạt Tội Buôn Người, Đặc Biệt Là Phụ Nữ và Trẻ Em (Nghị Định Thư Nạn Buôn Người)* cung cấp một định nghĩa quốc tế về tội phạm 'buôn người'.

Trong thực tế, không phải luôn luôn dễ dàng để nhận diện một người là nạn nhân của tội phạm này. Những trở ngại bao gồm các thách thức giao tiếp liên quan đến ngôn ngữ hay văn hóa và sự miễn cưỡng của nạn nhân đến báo với cơ quan chức năng vì sợ hãi hay không tin tưởng, đặc biệt ở thời điểm tiếp xúc đầu tiên. Tùy thuộc vào kinh nghiệm của họ, con người có thể không xem mình đã bị bán hoặc bị bóc lột. Một số người có thể tin rằng họ đã đồng tình với tình trạng của họ ngay cả khi các thủ đoạn ép buộc, đe dọa hoặc lừa dối đã được sử dụng để đạt được sự đồng ý từ họ. Vì những điều này và một số lý do khác, nhiều nạn nhân buôn người không bao giờ được nhận diện.

Lời khuyên:

Đưa ra một giả định có lợi để xem các nạn nhân buôn người giả định là nạn nhân

Các chính sách Chính Phủ về nhận diện nạn nhân nên cho phép cơ quan chức năng tình nghi rằng một người là nạn nhân buôn người để hành động dựa trên giả định đó bằng cách xem người đó như là một nạn nhân cho mục đích cung cấp hỗ trợ và bảo vệ ban đầu.

Việc thực hành tốt là giả định rằng một người là nạn nhân buôn người khi có bất kỳ nghi ngờ cho rằng người đó có thể nằm trong một tình huống như vậy. Áp dụng giả định như vậy có nghĩa là khi có bất kỳ nghi ngờ rằng một người có thể là nạn nhân buôn người, các cơ quan chức năng sẽ xem người đó như một người cần giúp đỡ và bảo vệ. Nếu sau đó xác định được một người không phải là một nạn nhân buôn người và không cần trợ giúp hoặc bảo vệ, việc hỗ trợ này có thể bị rút lại tại thời điểm đó. Một người biểu hiện các dấu hiệu bị buôn bán đồng thời cũng có thể là một nạn nhân của các loại tội phạm khác, chẳng hạn như hành hung thân thể hoặc tình dục, hoặc bắt cóc. Nếu xác định người đó không phải là một nạn nhân buôn người mà là nạn nhân của tội phạm khác, người đó có thể được chuyển đến các dịch vụ hỗ trợ phù hợp. Các nạn nhân buôn người cũng có thể ở ngoài quốc gia xuất xứ của họ và có nỗi sợ hãi bị đàn áp có cơ sở ở nước mình vì lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, thành viên của một nhóm xã hội nhất định hoặc quan điểm chính trị. Trong những trường hợp này, họ cần phải giới thiệu đến các cơ quan xin tị nạn.

1 Trong tài liệu này, thuật ngữ 'buôn người' được dùng để chỉ 'tội buôn người' như định nghĩa tại Điều 3 của Nghị Định Thư về Ngăn Ngừa, Trấn Áp Và Trừng Phạt Tội Buôn Người, Đặc Biệt Là Phụ Nữ và Trẻ Em (Nghị Định Thư Nạn Buôn Người).

Lời Khuyên: Nâng cao nhận thức về các tội phạm liên quan đến nạn buôn người

Người không được xem là nạn nhân buôn người có thể là nạn nhân của tội phạm khác và cần các biện pháp giúp đỡ và bảo vệ. Các thực hành viên có trách nhiệm nhận diện nạn nhân buôn người nên nhận biết các loại tội phạm liên quan và được trang bị để ứng phó một cách phù hợp.

Những người đã trải nghiệm nạn buôn người là nạn nhân của tội phạm và phải được xem như vậy bởi các Chính Phủ và được bảo vệ phù hợp. Ngoài việc là nạn nhân của tội phạm, nạn nhân buôn người cũng có thể đã bị lạm dụng nhân quyền, và bị tổn hại khác, bao gồm chấn thương thể chất hoặc tinh thần, cảm xúc đau khổ, xấu hổ nhận thức hay ô nhục, và thiệt hại kinh tế.

Một người cũng nên được xem là nạn nhân bất kể kẻ buôn người có được nhận diện, bắt giữ, khởi tố hoặc bị kết án, và bất kể bất kỳ mối quan hệ gia đình giữa nạn nhân và kẻ buôn người bị cáo buộc.

Bảng 1: Điều làm tưởng và thực tế trong nhận diện nạn nhân²

ĐIỀU LÀM TƯỞNG	THỰC TẾ	Để biết thêm thông tin, xem:
Con người phải vượt biên quốc tế để được xem là nạn nhân buôn người	Mặc dù nhiều người bị buôn bán xuyên biên giới quốc tế, nạn buôn người cũng có thể xảy ra trong phạm vi biên giới của một quốc gia, một hiện tượng được gọi là nạn buôn người bên trong (hoặc nội địa)	1.2 Định nghĩa buôn người
Chỉ có phụ nữ và trẻ em có thể trở thành nạn nhân buôn người	Nhiều nghiên cứu và thông tin báo chí về nạn buôn người đã tập trung vào hoạt động buôn bán phụ nữ và trẻ em. Tuy nhiên, nam giới cũng bị buôn bán dưới mọi hình thức bóc lột, đặc biệt là lao động cưỡng bức.	1.2. Định nghĩa buôn người 1.3. Hiểu biết các hình thức bóc lột
Tất cả nạn nhân buôn người bị buôn bán vì mục đích bóc lột tình dục	Mặc dù nạn buôn người vì mục đích tình dục chiếm phần lớn của nạn buôn người, con người bị buôn bán vì các mục đích lao động cưỡng bức, nô lệ hoặc hình thức tương tự nô lệ, phục vụ, cắt lấy nội tạng và các hình thức bóc lột khác.	1.3. Hiểu biết các hình thức bóc lột

² Thông tin thêm liên quan đến các điểm được nêu trong bảng này có thể được tìm thấy trong các nguồn sau: Báo Cáo Toàn Cầu về Tội Buôn Người, UNODC, 2014; Ước Lượng Toàn Cầu về Lao Động Cưỡng Bức của ILO 2012: Kết Quả và Phương Pháp, ILO, 2012; Báo Cáo về Tội Buôn Người 2014, Chính Phủ Hoa Kỳ, Văn Phòng Giám Sát và Chống Buôn Người của Bộ Quốc Vụ Hoa Kỳ, 2014.

Tất cả những người làm việc trong ngành công nghiệp tình dục là nạn nhân buôn người	Mặc dù buôn người vì mục đích bóc lột tình dục là một trong những hình thức bóc lột phổ biến và rõ ràng nhất, những người làm trong ngành công nghiệp tình dục không nhất thiết bị buôn bán. Các thủ đoạn bị cấm, chẳng hạn như ép buộc, đe dọa hoặc lừa gạt, phải được sử dụng (khi nạn nhân là người lớn) để chỉ cho thấy một người bị buôn vì mục đích bóc lột tình dục.	1.3 Hiểu biết các hình thức bóc lột 3.3. Các chỉ số buôn người
Tất cả những người di cư không giấy tờ là nạn nhân buôn người. Những người di cư hợp pháp không thể là nạn nhân buôn người	Mặc dù nạn nhân có thể được đưa trái phép vào một quốc gia mà họ bị bóc lột, không phải tất cả mọi người vào một quốc gia trái phép là bị bóc lột. Hơn nữa, những người đi vào và ở lại một nước qua các kênh hợp pháp cũng có thể là nạn nhân buôn người.	1.2. Định nghĩa buôn người 2.2 Nhận biết và giải quyết các thách thức trong nhận diện nạn nhân buôn người 3.3. Các chỉ số buôn người
Những người biết hoặc có vẻ đồng tình với tình trạng của họ không thể xem là nạn nhân buôn người	Thậm chí một người có vẻ chấp nhận tình trạng của họ, hoặc đồng ý với các điều kiện (ví dụ việc làm) lúc bắt đầu, người đó vẫn có thể là nạn nhân buôn người. Sự đồng ý của một trẻ em luôn luôn không liên quan, và đồng ý của một nạn nhân người lớn không liên quan nếu các thủ đoạn bị cấm như là ép buộc, đe dọa hoặc lừa gạt được sử dụng để đạt được sự phục tùng của người đó.	1.2. Định nghĩa buôn người 3.3. Các chỉ số buôn người
Những người có quan hệ họ hàng, hoặc có mối quan hệ với kẻ buôn người không thể xem là nạn nhân buôn người	Thường các nạn nhân bị dụ dỗ vào tình trạng buôn người từ bạn bè hoặc người thân. Kết hôn và các mối quan hệ thân mật khác cũng là thủ đoạn để kẻ buôn người có thể điều khiển nạn nhân của chúng. Nô lệ hoặc các hình thức kết hôn cưỡng bức cũng cấu thành 'các hình thức tương tự nô lệ'. ³	3.3. Các chỉ số buôn người
Những người tin rằng cuộc sống của họ dễ dàng hơn hoặc cuộc sống kinh tế khá hơn trước đó không thể xem là nạn nhân buôn người	Một người có thể là nạn nhân buôn người thậm chí họ kiếm được nhiều tiền và/hoặc có cuộc sống thoải mái hơn trước khi họ bị buôn bán. Bóc lột phải được đánh giá khách quan.	2.2. Nhận biết và giải quyết các thách thức trong nhận diện nạn nhân buôn người 3.3. Các chỉ số buôn người

³ Thuật từ 'các hình thức tương tự nô lệ' được định nghĩa trong Công Ước Bổ Sung về Xóa Bỏ Nô Lệ, Buôn Bán Nô Lệ về Các Thể Chế và Hình Thức Tương Tự Nô Lệ (Công Ước Bổ Sung) 1956, như được thảo luận ở phần 1.3

1.2. Định nghĩa của buôn người

Một trong những mục tiêu được nêu trong Nghị Định Thư Nạn Buôn Người là nhằm bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân buôn người, với sự tôn trọng toàn diện về nhân quyền.⁴ Mục đích này đưa ra một yêu cầu ẩn ý cho các Chính Phủ để nhận diện nạn nhân buôn người vốn có thể cần trợ giúp và bảo vệ này. Nhận diện ai là nạn nhân buôn người đòi hỏi các cơ quan chức năng Nhà nước hiểu biết được buôn người là gì dựa trên định nghĩa pháp lý về tội phạm. Theo luật quốc tế, định nghĩa về tội phạm được tìm thấy tại Điều 3(a) của Nghị Định Thư Nạn Buôn Người.

“Buôn Người” có nghĩa là tuyển mộ, chuyên chở, chuyển nhượng, chứa chấp hoặc tiếp nhận người, bằng cách dùng thủ đoạn đe dọa hoặc sử dụng vũ lực hoặc các hình thức ép buộc khác, bắt cóc, lừa đảo, gian lận, lạm dụng quyền thế hoặc lợi dụng tình thế để bị hại hoặc để trao hoặc nhận tiền trả hoặc lợi ích để đạt được sự đồng ý của người có quyền điều khiển người khác, vì mục đích bóc lột. Bóc lột sẽ bao gồm, ở mức tối thiểu, bóc lột mại dâm của người khác hoặc các hình thức bóc lột tình dục khác, cưỡng bức lao động hoặc dịch vụ, khai thác nô lệ hay các hình thức tương tự như nô lệ, phục vụ hoặc cắt lấy các bộ phận cơ thể.

Hình 1 dưới đây vạch ra ba yếu tố phải hiện diện để cấu thành tội phạm buôn người lớn. Một yếu tố từ mỗi cột là cần thiết để thiết lập tội buôn người.

Hình 1: Các yếu tố cốt lõi của định nghĩa pháp lý quốc tế về buôn người:⁵



4 Xem Điều 2(b) của Nghị Định Thư Nạn Buôn Người.

5 Nguồn: Hướng Dẫn Chính Sách về Hình Sự Hoá Nạn Buôn Người, Tiến Trình Bali, 2014, trang 5

Điều 3(b) của Nghị Định Thư quy định rằng sự đồng ý của nạn nhân trở nên vô nghĩa khi bất kỳ của các thủ đoạn được định đã được sử dụng. Điều 3(c) và (d) quy định rằng các thủ đoạn được định không cần phải được chứng minh trong các trường hợp nạn nhân là trẻ em dưới 18 tuổi.⁶

Nghị Định Thư không phải là công cụ quốc tế đầu tiên để giải quyết vấn nạn buôn người, nhưng nó cung cấp định nghĩa toàn diện nhất cho đến nay và là công cụ quốc tế chính được các Chính Phủ dựa vào để định nghĩa tội phạm trong luật quốc gia. Định nghĩa của Điều 3 đã giúp chuẩn hóa hiểu biết rằng đàn ông và trẻ em trai cũng có thể là nạn nhân buôn người, và rằng ‘bóc lột’ bao gồm không chỉ bóc lột tình dục mà còn các hình thức bóc lột khác.⁷ Danh sách các hình thức bóc lột được nêu ra trong định nghĩa bao gồm ‘cưỡng bức lao động hoặc dịch vụ’ và ‘nô lệ hay các hình thức tương tự nô lệ’, được định nghĩa trong luật quốc tế, cũng như ‘phục vụ’ và ‘cắt lấy bộ phận’, trong khi danh sách này nêu ra tiêu chuẩn tối thiểu cho các hình thức được xem là bóc lột, nó không toàn diện, nó mang tính linh hoạt trong định nghĩa để thích ứng với hình thức bóc lột mới.

Có nhiều cách khác nhau để giải thích định nghĩa quốc tế về buôn người. Một số phương pháp xem xét buôn người là quá trình mà nạn nhân bị đưa đi bóc lột (“tuyển mộ, chuyên chở, chuyển nhượng, chứa chấp, hoặc tiếp nhận”), tách biệt với bóc lột, trong khi những người khác hiểu tội phạm này bao gồm cả quá trình và kết quả cuối cùng (“bóc lột”). Ví dụ, một giải thích sát nghĩa nguyên văn của định nghĩa cho thấy rằng di chuyển không ngụ ý đối với nạn buôn người, nhưng mà không ngụ ý di chuyển đối với nạn buôn người, nó trở nên khó khăn để phân biệt buôn người với các hình thức bóc lột nói trên, ví dụ như cưỡng bức lao động, vốn được định nghĩa trong luật quốc tế. Hơn nữa, các hình thức bóc lột, được bao trùm rõ ràng trong luật quốc gia khác biệt giữa các Chính Phủ.

Có sự khác biệt pháp lý giữa buôn người và đưa người di cư trái phép trong luật quốc tế.⁸ Trong thực tế, đặc biệt khi buôn người xuyên quốc gia xảy ra, khó có thể phân biệt một nạn nhân buôn người với dân di cư là đối tượng của một hoạt động đưa người di cư trái phép, đặc biệt vì một người có thể vừa là người di cư bị đưa đi trái phép vừa là nạn nhân buôn người.⁹ Người di cư bị đưa đi trái phép rất dễ bị trở thành nạn nhân buôn người hoặc các hình thức bóc lột khác trong cuộc hành trình của họ hoặc khi họ đến nơi ở nước đến. Can phạm có thể phạm cả hai tội trong một hoạt động đơn lẻ, đưa một số thành viên của nhóm vượt biên trái phép trong khi buôn bán những người khác. Mặc dù người di cư bị đưa đi trái phép tự nguyện tham gia vào các cuộc dàn xếp với những kẻ đưa người di cư trái phép, họ rất dễ bị trở thành nạn nhân buôn người, bị bóc lột và các tội phạm khác (bao gồm tống tiền, lạm dụng, hành hung tình dục, hiếp dâm hay tra tấn). Hoàn cảnh của cuộc hành trình đưa người di cư trái phép có thể là lựa chọn ban đầu họ đã chọn để được di cư trái phép.

Lời khuyên: Nhận diện nạn nhân buôn người giả định trong nhóm dễ bị tổn thương

Trước giai đoạn bóc lột, rất khó để nhận diện nạn nhân buôn người. Các Chính Phủ cần đảm bảo rằng các chính sách của họ bao gồm các điều khoản ngăn chặn nhằm hỗ trợ các cơ quan chức năng nhận diện nạn nhân giả định trong những người dễ bị buôn bán, bao gồm cả người di cư bị đưa đi trái phép.

⁶ Đồng thời xem Hướng Dẫn Chính Sách về Hình Sự Hoá Nạn Buôn Người, Tiến Trình Bali, 2014, trang 4-5.

⁷ Trong khi các hiệp ước quốc tế năm 1904, 1910 và 1933 tập trung vào hình thức di chuyển phụ nữ và trẻ em gái xuyên biên giới quốc tế cho mục đích mại dâm, và Công Ước về Trấn Áp Buôn Bán Người và Bóc Lột Mại Dâm Người 1949 mở rộng ngoài phụ nữ và trẻ em gái để bao hàm ‘bất cứ ai’, Nghị Định Thư Palermo là văn kiện quốc tế đầu tiên về buôn người tổng hợp các hình thức bóc lột không nhất thiết liên quan đến tình dục.

⁸ Đưa người di cư vượt biên trái phép có nghĩa là việc giao dịch, để đạt được lợi ích về tài chính hoặc lợi ích vật chất khác từ việc một người nhập cảnh trái phép vào một quốc gia thành viên mà người này không phải là công dân của quốc gia đó hoặc thường trú tại quốc gia đó theo Điều 3 của Nghị Định Thư về Chống Đưa Người Di Cư Trái Phép bằng Đường Bộ, Đường Biển và Đường Không.

⁹ Để biết thêm thảo luận chi tiết về sự khác biệt về pháp lý giữa buôn người và đưa người di cư trái phép, xem Hướng Dẫn Chính Sách về Hình Sự Hoá Nạn Buôn Người, Tiến Trình Bali, 2014, trang 8-9 và Hướng Dẫn Chính Sách về Hình Sự Hoá Đưa Người Di Cư Trái Phép, Tiến Trình Bali, 2014, trang 9-10.

không còn ý nghĩa.¹⁰ Ví dụ, những người di cư trong tình trạng bấp bênh tìm lại chính mình trên đường di cư, có thể khiến họ phụ thuộc vào những kẻ đưa người di cư trái phép và họ có ít lựa chọn ngoài việc tiếp tục cuộc hành trình của họ, bất kể điều kiện họ phải chịu đựng. Phụ thuộc vào khi nào tình trạng này được phát hiện, người gặp phải có thể được xem là những người di cư bị đưa đi trái phép chứ không phải là nạn nhân buôn người. Mục đích bóc lột cần để thành lập tội phạm buôn người, nhưng có thể được phát hiện chỉ khi hoạt động bóc lột đã xảy ra. Các cơ quan chức năng nên tìm kiếm các chỉ số buôn người trong số người di cư bị đưa đi trái phép để đảm bảo rằng các nạn nhân buôn người được nhận diện.

1.3. Hiểu biết các hình thức bóc lột

Hầu hết các nạn nhân buôn người được nhận diện khi đã bị bóc lột, và vì vậy điều quan trọng là phải hiểu được hành vi bóc lột dưới nhiều hình thức khác nhau và như chúng được định nghĩa trong luật quốc tế. Bằng chứng về hành vi bóc lột đặc biệt hữu ích để hỗ trợ một giả định về buôn người.

Ở nhiều quốc gia, nạn buôn người cho mục đích bóc lột tình dục được chú ý nhiều. Bóc lột tình dục, đặc biệt là ở phụ nữ và trẻ em, là một vấn đề quan trọng trên thế giới, nhưng điều quan trọng là phải hiểu biết các hình thức bóc lột khác.

Cưỡng bức lao động hoặc dịch vụ

Theo *Công Ước Lao Động Cưỡng Bức Tổ Chức Lao Động Quốc Tế (ILO) 1930*, ‘dịch vụ hoặc lao động cưỡng bức’ là “tất cả các công việc hoặc dịch vụ mà một người nào bị ép buộc phải làm dưới sự đe dọa của bất kỳ hình phạt và người đó làm không tự nguyện”.¹¹ ‘Đe dọa’ được giải thích bao gồm ép buộc về thể xác và tâm lý bởi chủ lao động,¹² chẳng hạn như bằng cách từ chối công nhân cơ hội thăng tiến, chuyển nhượng, việc làm mới hoặc nhà ở.¹³ ‘Không tự nguyện’ cũng rất quan trọng để nhận diện lao động cưỡng bức. Lao động gọi là cưỡng bức nếu như người lao động không tự đồng ý và không thể thu hồi nó.

Lao Động Trẻ Em Khác với Công Việc Trẻ Em

Công Ước ILO 1973 về Tuổi Tối Thiểu Để Bắt Đầu Nhận vào Lao Động mô tả lao động trẻ em là bất kỳ công việc hoặc dịch vụ được thực hiện bởi một người dưới 18 tuổi mà nguy hiểm đến sức khỏe và an toàn, hoặc cản trở việc học hành hoặc đào tạo và định hướng nghề nghiệp của người đó. Lao động trẻ em phân biệt với công việc trẻ em, vốn không làm tổn hại đến sức khỏe hoặc sự an toàn, hoặc các cơ hội học hành của trẻ em.

¹⁰ Nghị Định Thư về Chống Đưa Người Di Cư Trái Phép bằng Đường Bộ, Đường Biển và Đường Không (Nghị Định Thư Đưa Người Di Cư Trái Phép) bao gồm các điều khoản bảo vệ bắt buộc tương tự các điều khoản được đặt ra trong Nghị Định Thư Nạn Nhân Buôn Người.

¹¹ Định nghĩa về lao động cưỡng bức của Tổ Chức Lao Động Quốc Tế (ILO) được tái khẳng định vào năm 2014 với việc áp dụng Nghị Định Thư về Công Ước Lao Động Cưỡng Bức. Hội Nghị Lao Động Quốc Tế, Văn Bản Nghị Định Thư về Công Ước Lao Động Cưỡng Bức, 1930, Bản Lưu Tạm Thời 9A, Phiên họp thứ 103, Geneva, 2014, Điều 1(3).

¹² ILO, Báo Cáo của Ủy Ban Các Chuyên Gia về Áp Dụng Các Công Ước và Khuyến Nghị, Báo Cáo III (Phần 1A), Hội Nghị Lao Động Quốc Tế, Phiên họp thứ 90, Geneva, 2002, trang 98

¹³ Xóa bỏ lao động cưỡng bức, Khảo Sát Chung bởi Ủy Ban Các Chuyên Gia về Áp Dụng Các Công Ước và Khuyến Nghị, ILC, Phiên họp thứ 65, Geneva, 1979, đoạn 21 [dưới đây: Xóa bỏ lao động cưỡng bức, Khảo Sát Chung 1979]. Đồng thời xem Xóa bỏ lao động cưỡng bức, Khảo Sát Chung 2007, đoạn 37.

Khai thác nô lệ hay các hình thức tương tự nô lệ

Khai thác nô lệ được xem là hình thức bóc lột con người tồi tệ nhất. Tự do khỏi cảnh nô lệ là một trong số ít những quy tắc của luật quốc tế mà các Chính Phủ không thể ‘vi phạm’, có nghĩa là trong bất kỳ tình huống các Chính Phủ không thể cho phép tình trạng nô lệ. Nô lệ lần đầu tiên được định nghĩa trong *Công Ước Khống Chế Buôn Bán Nô Lệ và Chế Độ Nô Lệ 1926* (được gọi là ‘Công Ước Nô Lệ’) là ‘*tình trạng hay điều kiện của một người mà bất kỳ hoặc mọi quyền lực gắn liền với quyền sở hữu đều được thực hiện đối với họ*’.¹⁴ Về bản chất, nô lệ là về quyền sở hữu; ‘các quyền lực gắn liền với quyền sở hữu’ vốn mô tả chế độ nô lệ truyền thống vẫn được xem là một dấu hiệu của hình thức nô lệ hiện đại. Một số dấu hiệu của chế độ nô lệ trong Công Ước Nô Lệ bao gồm quyền xác định tên, tôn giáo, hôn nhân hoặc đối tác tình dục của nạn nhân, cũng như số phận của anh/chị em của nạn nhân đó.¹⁵ Nô lệ cũng có thể bao gồm các hành vi làm giảm năng lực thể chất hoặc tinh thần của nạn nhân để duy trì cuộc sống của nạn nhân đó.¹⁶

Lời khuyên: Nhận diện nô lệ

Nô lệ được đánh dấu bởi các mối quan hệ vốn tồn tại giữa thủ phạm và nạn nhân, chứ không phải bởi các điều kiện của tình trạng như vậy. Các cơ quan chức năng nên hiểu rằng một người ở trong tình trạng nô lệ có thể sống thoải mái, nhưng không có quyền đưa ra quyết định cá nhân cơ bản.

Các hình thức tương tự nô lệ bị cấm bởi *Công Ước Bổ Sung về Xoá Bỏ Chế Độ Nô Lệ, Buôn Bán Nô Lệ, và Các Thể Chế và Các Hình Thức Tương Tự Nô Lệ 1956* (Công Ước Bổ Sung). “Các thể chế và hình thức tương tự nô lệ ‘đề cập đến mối quan hệ bóc lột con người, vốn có các khía cạnh của quyền sở hữu và được duy trì không nhất thiết phải theo luật, nhưng theo tập quán, truyền thống, hay tập quán xã hội. Cụ thể, Công Ước Bổ Sung xác định các thể chế và hình thức tương tự khai thác nô lệ:

- **Lệ thuộc vì nợ** (Điều 1(a)), là “*tình trạng hay điều kiện phát sinh từ một cam kết của người mang nợ phục dịch chủ nợ hoặc người khác dưới sự kiểm soát của chủ nợ như một hình thức thế chấp cho khoản nợ, nếu giá trị của sự phục dịch đó dù có được đánh giá là phù hợp cho việc trả nợ cũng không được áp dụng cho việc thanh toán nợ và việc phục dịch đó không giới hạn và không được xác định rõ ràng*”. Nói cách khác, lệ thuộc vì nợ đề cập đến một tình trạng mà một người cung cấp dịch vụ để trả một món nợ mà không bao giờ có thể được hoàn trả.

Lời khuyên:

Xác định lệ thuộc vì nợ

Lệ thuộc vì nợ là một trải nghiệm chung của nhiều nạn nhân buôn người. Một tình trạng lệ thuộc vì nợ có thể được nhận diện bởi sự tồn tại của một khoản nợ không xác định và không thể được thanh toán bằng bất kỳ lượng công việc hoặc dịch vụ nào. Nhiều quyền tài phán hiểu lệ thuộc vì nợ rộng hơn, như các tình trạng mà lao động hoặc dịch vụ được cung cấp để trả một món nợ trong điều kiện bóc lột.

14 Công Ước Khống Chế Buôn Bán Nô Lệ và Nô Lệ, 60 Hội Quốc Liên Loạt Hiệp Ước 253, 25 tháng 9 năm 1926, có hiệu lực ngày 9 tháng 3 năm 1927 (Công Ước Nô Lệ).

15 Xem ví dụ, *Prosecutor v. Kunarac, Kovac và Vukovic*, Case IT-96-23-T and IT-96-23/1-T, Tòa Hình Sự Quốc Tế cho Phòng Kháng Cáo Yugoslavia cũ, ngày 12 tháng 6 năm 2002.

16 Xem ví dụ, Các Hướng Dẫn Bellagio-Harvard về Các Thông Số Pháp Lý của Nô Lệ, Mạng Nghiên Cứu về Các Thông Số Pháp Lý của Nô Lệ, 2012.

- **Nông Nô** (Điều 1(b)), là “*điều kiện hoặc tình trạng của một người thuê nhà mà theo pháp luật, tập quán hoặc thỏa thuận bị ràng buộc để sống và lao động trên vùng đất thuộc quyền sở hữu của người khác và để làm một số công việc phục vụ nhất định cho người đó, cho dù được trả công hay không, và không được tự do thay đổi địa vị của mình*”.

- Bất kỳ thể chế hoặc thực hành (Điều 1(c)) mà theo đó;
“(I) Một người phụ nữ, không có quyền từ chối, bị hứa gả hoặc bị gả để thanh toán một khoản tiền hoặc hiện vật cho cha mẹ, người giám hộ, gia đình họ hay bất kỳ cá nhân hoặc nhóm nào khác; hoặc
(ii) Chồng của một phụ nữ, gia đình, dòng tộc của người chồng đó, có quyền chuyển nhượng người vợ cho người khác để lấy tiền hoặc hàng hoá hoặc những thứ khác; hoặc
(iii) Một người phụ nữ khi chồng chết bị buộc làm vợ thừa kế của người khác”.

Lời khuyên:

Nhận diện kết hôn cưỡng bức

Kể từ khi Công Ước Bồ Sung về Chế Độ Nô Lệ có hiệu lực, mà chỉ xác định kết hôn cưỡng bức ở phụ nữ, điều được thừa nhận rộng rãi rằng nam giới và trẻ em nam cũng có thể bị cưỡng bức kết hôn. Để chống lại nạn kết hôn cưỡng bức dưới mọi hình thức, việc thực hành tốt là phải đảm bảo pháp luật cấm kết hôn cưỡng bức áp dụng như nhau, bất kể giới tính của nạn nhân.

- **Bán trẻ em cho mục đích bóc lột** (Điều 1(d)),¹⁷ theo đó cha mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em cho phép bên thứ ba khai thác lao động của trẻ em. Các văn kiện gần đây cung cấp một định nghĩa rộng hơn so với trong Công Ước Bồ Sung. Công Ước ILO về Các Hình Thức Lao Động Trẻ Em Tồi Tệ Nhất 1999 cho biết thêm tuyển mộ trẻ em cưỡng bức hoặc bắt buộc cho mục đích sử

dụng trong xung đột vũ trang, khiêu dâm, hoạt động bất hợp pháp như sản xuất và buôn bán ma túy, và “*công việc mà tính chất hoặc các hoàn cảnh được thực hiện, có khả năng gây tổn hại cho sức khỏe, an toàn và đạo đức của trẻ em*”. Điều 2(a) của Nghị Định Thư Tùy Chọn năm 2002 của Công Ước về Quyền Trẻ Em về Buôn Bán Trẻ Em, Mại Dâm Trẻ Em và Khiêu Dâm Trẻ Em định nghĩa rộng ‘buôn bán trẻ em’ là “*bất kỳ hành động hoặc giao dịch theo đó trẻ em bị chuyển nhượng bởi bất kỳ cá nhân hoặc nhóm người cho người khác để hưởng thù lao hay bất kỳ thưởng công khác*”.¹⁸

Lời Khuyên: Nhận diện việc bán trẻ em cho mục đích bóc lột

Vì bán trẻ em hoặc trẻ sơ sinh không yêu cầu bóc lột diễn ra sau khi bán, các Chính Phủ nên xem xét mở rộng khái niệm này nhằm bao gồm những hành vi như bán làm con nuôi và các cuộc dàn xếp để thuê thương mại.¹⁹

¹⁷ These concepts, also known as ‘servitudes’, have definitions at international law that may be useful to identifying exploitative situations.

¹⁸ *Optional Protocol to the Child Convention on the Sale of Children, Child Prostitution and Child Pornography*, 2171 United Nations Treaty Series 227, 25 May 2000, entered into force 18 January 2002, Art. 2 (a).

¹⁹ See further Anne T. Gallagher, ‘Article 35’, in Phillip Alston and John Tobin, *Commentary to the Convention on the Rights of the Child*, Oxford University Press, forthcoming, 2015. See also discussion of forced/illegal adoption at 2.3, below.

Cắt lấy nội tạng cơ thể

Buôn người cho mục đích cắt lấy nội tạng có thể xảy ra trong bối cảnh buôn bán nội tạng để cấy ghép cho người trả tiền, cũng như trong bối cảnh văn hóa và lễ nghi có thể liên quan đến cắt lấy các bộ phận cơ thể ngoài cắt lấy nội tạng. Ở một số Quốc Gia, luật chống buôn người ngoài việc cắt lấy nội tạng mà còn bao hàm các bộ phận cơ thể (để bao trùm các tập tục văn hóa và lễ nghi), cũng như tế bào và các chất dịch cơ thể (để bao trùm trường hợp để thuê thương mại). Buôn người với mục đích lấy nội tạng có những thách thức nhận diện độc nhất vì hành vi bóc lột xảy ra chỉ một lần, so với các hình thức bóc lột khác có thể liên quan đến cung cấp lao động hoặc dịch vụ tiếp diễn.²⁰

Các hình thức bóc lột khác

Các Chính Phủ nên ở mức tối thiểu hiểu biết bóc lột bao gồm cả các hình thức bóc lột được tham chiếu rõ ràng trong Điều 3(a) của Nghị Định Thư Nạn Buôn Người. Các hình thức bóc lột khác gặp phải trong thực tế bao gồm khai thác ăn xin cưỡng bức và hoạt động phạm tội, như trồng thuốc phiện hoặc vận chuyển với vai trò là 'lừa thò thuốc'. Ngoài rủi ro bị phát hiện và truy tố tội phạm ma túy, nạn nhân bị buôn để trồng hoặc mang thuốc trên hoặc trong cơ thể phải chịu nhiều rủi ro đáng kể đến cuộc sống và an toàn của họ.²¹

Lời khuyên: Thiết lập sẵn các chỉ số cụ thể cho các hình thức bóc lột khác

Các Chính Phủ cần xem xét cung cấp cho các cơ quan chức năng các chỉ số về buôn người với đầy đủ chi tiết và cụ thể để cho phép những người ứng phó đầu tiên nhận ra các hình thức bóc lột khác nhau. Trong quá trình cung cấp hỗ trợ và bảo vệ, bằng chứng bổ sung về các yếu tố khác của định nghĩa có thể trở nên rõ ràng. Phần 3.3 cung cấp cơ sở cho việc phát triển các chỉ số cụ thể và chi tiết.

²⁰ Để biết thêm thông tin về buôn người cho mục đích cắt lấy cơ quan, xem ví dụ, Các Nguyên Tắc Hướng Dẫn về Tế Bào Người, Mô và Cấy Ghép Cơ Quan và Tuyên Bố Istanbul, có tại <http://www.who.int/transplantation/en/>.

²¹ Cả hai trong số các hình thức khác được công nhận rõ trong Hướng Dẫn Buôn Người Liên Minh Châu Âu 2011/36/EU với ăn xin cưỡng bức được hiểu như là một hình thức cưỡng bức lao động hoặc dịch vụ như định nghĩa bởi Công Ước Lao Động Cưỡng Bức ILO và bóc lột các hoạt động phạm tội hình sự được hiểu bao gồm, móc túi, trộm đồ, buôn thuốc phiện, và các hoạt động tương tự khác phải chịu hình phạt và thu lợi tài chính. Xem: Hướng Dẫn 2011/36/EU của Quốc Hội Châu Âu và của Hội Đồng Liên Minh Châu Âu, ngày 5 tháng 4 năm 2011, về ngăn ngừa và chống buôn người và bảo vệ nạn nhân buôn người và thay thế Quyết Định Khung của Hội Đồng 2002/629/JHA, OJL 101/1, ngày 15 tháng 4 năm 2011 (Hướng Dẫn về Buôn Người EU 2011/36/EU), Điều 2(3).

Phần 2:

Nghĩa vụ, quyền lợi và thách thức

2.1. Tại sao nhận diện có vai trò quan trọng

Nếu không nhận diện nạn nhân, các Chính Phủ sẽ không thể đạt được các mục tiêu ngăn chặn, truy tố và bảo vệ hiệu quả được nêu ra trong Nghị Định Thư Nạn Buôn Người. Vì vậy, trong việc thiết lập các chính sách, các chương trình và các biện pháp khác chống buôn người toàn diện, đặc biệt cần chú ý đến việc nhận diện nạn nhân như một thành phần cần thiết của việc thực hiện bốn phạm nêu ra trong Nghị Định Thư.

Quá trình nhận diện dẫn đến việc công nhận tình trạng nạn nhân của một người và hệ quả, cung cấp kịp thời các dịch vụ hỗ trợ và bảo vệ, chẳng hạn như các dịch vụ y tế và sức khỏe khác, chỗ ở, thực phẩm và các nhu cầu cơ bản, tư vấn và chăm sóc tâm lý trong số những thứ khác. Ở một số Quốc Gia, xác minh nạn nhân buôn người giúp người đó hưởng thêm các lợi ích và dịch vụ, chẳng hạn như cư trú tạm thời hoặc vĩnh viễn. Nếu không nhận diện nạn nhân buôn người kịp thời và đúng đắn có thể dẫn đến tình trạng lạm dụng, bóc lột hơn nữa, và quyền lợi của họ bị từ chối, bao gồm cả quyền được hỗ trợ và bảo vệ. Việc nhận diện càng kéo dài thì sự phục hồi và tái hòa nhập của nạn nhân sẽ phức tạp hơn. Vì lý do này, việc nhận diện nạn nhân là việc cần làm trước cho các biện pháp bảo vệ.²²

Ngoài việc bảo vệ nạn nhân buôn người, các Chính Phủ cũng có nhiều lợi ích khác trong việc nhận diện nạn nhân buôn người. Nhận diện nạn nhân là một phương tiện quan trọng để xác định tội phạm và các mạng lưới tội phạm đằng sau chúng. Khi nạn nhân được nhận diện và được bảo vệ và hỗ trợ thích hợp, họ có thể trở thành nhân chứng quan trọng hỗ trợ quá trình tư pháp hình sự. Khi nạn nhân không được nhận diện, mạng lưới tội phạm có thể tiếp diễn mà không bị trừng phạt và bằng chứng có giá trị có thể bị mất. Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia như buôn người có thể cho phép tội phạm khác, chẳng hạn như rửa tiền và tham nhũng, phát triển mạnh và cản trở tiến bộ kinh tế và xã hội. Các Chính Phủ có lợi ích trong việc ngăn chặn và xử lý lao động cưỡng bức, mà có thể có những tác động theo sau của việc giảm cơ hội việc làm và tiền lương và làm xói mòn các điều kiện cho người lao động khác trong cả nước. Do đó, đấu tranh chống nạn buôn người là một phương tiện thiết yếu để đảm bảo không chỉ sự an toàn và an ninh của các cá nhân, mà còn là sức khỏe của xã hội.²³

Bảng 2: Nghĩa vụ, lợi ích và lời khuyên cho nhận diện nạn nhân

Nghĩa vụ	Lợi ích	Lời khuyên
Ngăn Ngừa	Nhận diện nạn nhân buôn người là cần thiết để ngăn chặn và răn đe nạn buôn người.	Kết hợp nhận diện nạn nhân vào các chiến lược quốc gia, bao gồm những chiến lược có mục đích chống buôn người và các loại tội phạm khác như là đưa người di cư trái phép và bạo hành gia đình.
	Xác nhận các nguyên nhân gốc rễ của nạn buôn người và các cá nhân và nhóm người dễ bị buôn bán là thiết yếu để ngăn ngừa dựa trên bằng chứng.	Phát triển các chỉ số về nguyên nhân gốc rễ và tính dễ bị buôn bán của các cá nhân và nhóm người nhất định để hỗ trợ ngăn ngừa nạn buôn người trước giai đoạn bóc lột.

²² Xem Hướng Dẫn Chính Sách về Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người, Tiến Trình Bali, 2015.

²³ Xem Hướng Dẫn Chính Sách về Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người, phần 1.1, Tiến Trình Bali, 2015.

	Dữ liệu và thông tin được thu thập bởi các cơ quan chức năng hữu quan được củng cố khi có được từ nạn nhân được nhận diện, bao gồm: hồ sơ, đặc điểm kẻ buôn người, thủ đoạn và phương pháp, con đường, mối liên kết giữa và trong các cá nhân và nhóm người, cũng như các biện pháp có thể để phát hiện chúng.	Sử dụng dữ liệu và thông tin thu thập được qua quá trình nhận diện là cơ sở để nhận diện các khoảng trống trong ứng phó của các Chính Phủ về nạn buôn người, xác định xây dựng khả năng và nhu cầu tập huấn của các tổ chức Nhà Nước hữu quan, và thiết lập các chính sách tốt hơn, bao gồm trong lĩnh vực lao động và di cư.
Điều Tra và Truy Tố	Nỗ lực điều tra và khởi tố nạn buôn người được củng cố khi các thực hành viên được tập huấn để nhận diện nạn nhân hiệu quả và thu thập bằng chứng liên quan. Các điều tra viên và công tố viên thu thập thông tin và bằng chứng từ các nạn nhân buôn người được nhận diện về nạn buôn người, kẻ buôn người, các tội phạm liên quan và bọn tội phạm.	Phát triển các chương trình tập huấn về nhận diện nạn nhân cho các ứng phó viên tuyến đầu, chẳng hạn như các điều tra viên và công tố viên bảo đảm rằng họ hiểu biết chung về các yếu tố cấu thành tội phạm, thu thập bằng chứng và tình chấp nhận của bằng chứng, các qui tắc nhận diện, và các xem xét đặc biệt chẳng hạn như làm việc với các nạn nhân bị tổn thương/nhân chứng, các nạn nhân có ngôn ngữ và văn hoá đa dạng cũng như nạn nhân trẻ em. Phát triển một hệ thống cho nhận diện nạn nhân chủ động, bảo đảm rằng một loạt các chỉ số được sử dụng để bao trùm các tình huống buôn người nội địa và xuyên quốc gia và tính đa dạng của nạn nhân (nam, nữ và trẻ em) đối với mọi hình thức bóc lột.
Hỗ Trợ và Bảo Vệ	Nhận diện nạn nhân buôn người là cần thiết để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và bảo vệ hiệu quả. Nạn nhân buôn người được bảo vệ và hỗ trợ phù hợp có thể hỗ trợ qui trình pháp lý hình sự tốt hơn, giúp khởi tố kẻ buôn người và ngăn chặn nạn buôn người tiếp diễn.	Giới thiệu nạn nhân đến các cơ quan có trách nhiệm để cung cấp hỗ trợ và trợ giúp chuyên môn, bảo đảm rằng nạn nhân buôn người già định không gặp phải các rào cản để tiếp cận hỗ trợ và bảo vệ, bao gồm việc tách biệt các thủ tục nhận diện ra khỏi các chương trình quản lý nhập cư. Bảo đảm các thủ tục nhận diện chính thức áp dụng cho tất cả nạn nhân, bất kể tuổi tác, giới tính, khuynh hướng tình dục, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội hoặc khuyết tật, tuân theo luật quốc tế. Bảo đảm các nhà cung cấp dịch vụ cung cấp hỗ trợ toàn diện, từ bảo vệ lúc tiếp xúc đầu tiên, đến hỗ trợ trong các qui trình pháp lý hình sự và hồi hương và tái hoà nhập. Báo cho các nạn nhân biết về quyền lợi được hỗ trợ và bảo vệ và sự lựa chọn hỗ trợ của họ trong suốt các qui trình pháp lý hình sự chống lại kẻ buôn người và giúp họ đưa ra quyết định. Đảm bảo việc nhận diện (và kết quả bảo vệ) không phụ thuộc vào sự hợp tác của nạn nhân với cơ quan chức năng.
Hợp Tác	Sự tham gia đa cơ quan trong nhận diện nạn nhân, bao gồm đóng góp chính thức hoá của các tổ chức phi chính phủ chuyên biệt và các tổ chức hữu quan khác, có thể củng cố tính hiệu quả của các cơ chế nhận diện, và sau đó củng cố các biện pháp ngăn ngừa, khởi tố và bảo vệ.	Đảm bảo hệ thống nhận diện là một qui trình hợp tác liên quan đa cơ quan và đa lĩnh vực giữa các cơ quan chức năng nhà nước và các tổ chức phi chính phủ, bao gồm các tổ chức phi chính phủ chuyên môn. Đảm bảo thường xuyên trao đổi thông tin về các xu hướng buôn người cũng như các kỹ thuật mới và các thực hành tốt nhất trong nhận diện nạn nhân.

2.2. Hiểu biết tại sao nạn nhân buôn người miễn cưỡng tự nhận diện chính họ

Nạn nhân hiếm khi tự nhận mình là nạn nhân buôn người. Trong nhiều trường hợp, nạn nhân buôn người phụ thuộc vào kẻ buôn người, và có thể không nhận ra hoặc thừa nhận rằng họ là nạn nhân. Những người khác xem kẻ buôn người như ân nhân đã giúp họ cải thiện tình trạng của họ. Họ thậm chí có thể có quan hệ họ hàng với kẻ buôn người. Ví dụ, trong bối cảnh kết hôn cưỡng bức hay tình trạng mà trẻ em được bán để bóc lột, can phạm có thể là cha mẹ của nạn nhân hoặc các thành viên khác trong gia đình, khiến cho nạn nhân miễn cưỡng đi trình báo cho cơ quan chức năng. Điều này cũng có thể đúng với các hình thức buôn người và bóc lột khác khi có những mối quan hệ cá nhân giữa nạn nhân và kẻ buôn người. Ngay cả khi không có mối quan hệ trước đó, nạn nhân có thể dính líu vào mối quan hệ cá nhân với kẻ buôn người mà không biết rằng mối quan hệ đó là một phương tiện để điều khiển họ.

Các thách thức nhận diện khác phát sinh từ sự thiếu động lực nhận thức và/hoặc thực tế để nhiều nạn nhân phải tự trình báo cho cơ quan chức năng. Đặc biệt là trong trường hợp nạn nhân buôn người đã đến một đất nước trái phép; họ có thể lo sợ bị trục xuất do tình trạng trái phép của họ. Các nạn nhân buôn người khác, mặc dù chịu đau khổ nặng nề dưới sự điều khiển của kẻ buôn người, có thể vẫn chọn ở trong tình trạng bóc lột và lạm dụng bởi nhiều lý do khác nhau. Ví dụ, nạn nhân có thể có mối quan hệ ràng buộc với kẻ buôn người hoặc những người khác để giữ họ trong tình trạng đó, hoặc họ có thể cảm thấy điều kiện họ đang có tốt hơn so với các lựa chọn thay thế. Kẻ buôn người thường xuyên tận dụng lợi thế do sợ hãi và lo ngại để điều khiển nạn nhân.

Những thách thức đặt ra trong việc nhận diện nên được hiểu và xem xét khi thiết kế và thực thi các cơ chế nhận diện. Cần cung cấp các khả năng để cho phép người được giới thiệu đến các thủ tục thích hợp ở bất cứ giai đoạn nào trong quá trình này, ngay cả khi họ không được nhận diện ban đầu là nạn nhân buôn người giả định ở các giai đoạn trước đó.

Các mối đe dọa giam giữ và trục xuất

Trường hợp nạn nhân là phi công dân, kẻ buôn người thường bảo họ không nên tìm sự hỗ trợ từ cơ quan chức năng vì họ sẽ bị bắt giữ, trục xuất hoặc bị giam giữ do tình trạng nhập cư hoặc các hoạt động bất hợp pháp phát sinh từ tình trạng buôn người của họ. Đây thường không phải là trường hợp, và thậm chí khi có thật, đối với một số nạn nhân, trục xuất hoặc trả lại cho cộng đồng sẽ không cải thiện tình trạng của họ. Nếu điều kiện khiến một người dễ bị buôn bán không thay đổi, họ có thể bị nguy cơ rơi vào một tình trạng tương tự một lần nữa. Các nhà tuyển dụng đã đưa họ trong tình trạng buôn người cũng có thể vẫn hiện diện, tạo ra mối lo ngại về an ninh của họ và gia đình họ.

Lời khuyên: Khuyến khích các nạn nhân ra trình diện bằng cách giải quyết các mối quan ngại của họ về giam giữ và trục xuất

Để giải quyết nỗi lo sợ mà các nạn nhân có thể có về việc bị giam giữ, các biện pháp cần được thiết lập sẵn để đảm bảo rằng các nạn nhân không bị hình sự hóa đối với hành vi phạm tội của họ do hệ quả của việc bị buôn bán, bao gồm bất kỳ tội phạm nhập cư. Để giải quyết nỗi sợ hãi bị trục xuất của các nạn nhân, các phương án xin thị thực cần phải được thiết lập sẵn để cho phép các nạn nhân buôn người ở lại nước đến để nhận được sự hỗ trợ và bảo vệ.

Nỗi sợ hãi về các mối đe dọa và trả thù từ những kẻ buôn người

Một số nạn nhân lo sợ các mối đe dọa và trả thù từ những kẻ buôn người khi họ tự nhận diện mình là nạn nhân buôn người. Những kẻ buôn người thường xuyên đe dọa gây tổn hại cho các nạn nhân và/hoặc thành viên trong gia đình của họ. Những lo sợ về sự bất cập của hệ thống pháp luật trong nước để bảo vệ nạn nhân và gia đình của họ khỏi bị trả thù có thể khiến nạn nhân không trình báo. Nỗi sợ hãi này có thể trầm trọng hơn khi gia đình nạn nhân ở các nước có quyền tài phán khác và các tổ chức tư pháp hình sự ở các nước khác nhau cần để đảm bảo sự bảo vệ của họ.

Lời khuyên: Khuyến khích các nạn nhân ra trình diện bằng cách bảo vệ họ và gia đình của họ

Các Chính Phủ nên xem xét việc thiết lập sẵn các biện pháp để đảm bảo bảo vệ hiệu quả cho nạn nhân, nhân chứng và gia đình của họ. Khi các cá nhân cần được bảo vệ ở những Quốc Gia khác, nên hợp tác với các tổ chức tư pháp hình sự ở những Quốc Gia đó hoặc nếu phù hợp, phương án thị thực và nhập cư phải có sẵn để cung cấp bảo vệ cho những người có nguy cơ bị hại.

Cảm giác xấu hổ và sợ bị ô nhục

Khi danh tính, bảo mật và quyền riêng tư của nạn nhân và gia đình họ không được bảo vệ bởi các chương trình hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân, nạn nhân có thể lo sợ rằng việc nhận diện có thể dẫn đến xấu hổ, ô nhục và xã hội loại trừ. Nạn nhân có thể lo sợ rằng nếu họ thừa nhận họ là nạn nhân, gia đình và cộng đồng của họ có thể cảm thấy họ đã thất bại (đặc biệt khi nạn nhân đã bị bóc lột trong quá trình di cư) sau đó làm trở ngại khả năng chu cấp cho gia đình họ. Nạn nhân nam nạn buôn người đã được biết là rất miễn cưỡng thừa nhận rằng họ đã trở thành nạn nhân của tội phạm hoặc đã bị lừa dối.

Lời khuyên: Khuyến khích các nạn nhân ra trình diện bằng cách bảo vệ họ khỏi sự ô nhục

Các Chính Phủ cần đảm bảo rằng các chương trình hỗ trợ và bảo vệ giải quyết nỗi sợ xấu hổ và ô nhục của nạn nhân bằng cách duy trì bảo mật thông tin của nạn nhân, và bằng việc hợp tác với các Tổ Chức Phi Chính Phủ, cộng đồng và chính các nạn nhân để hiểu biết và giải quyết các quan ngại trong việc phát triển các chính sách bảo vệ.

Phần 3:

Quá trình nhận diện nạn nhân

3.1. Ai có thể nhận diện nạn nhân buôn người?

Nhận diện nạn nhân buôn người hiếm khi là một sự kiện kết thúc, điểm-trong-thời gian, mà là một quá trình có thể bao gồm các giai đoạn sau đây:

1. Sàng lọc ban đầu cho thấy một người có thể là nạn nhân buôn người. Điều này có thể được thực hiện bởi bất kỳ ai tiếp xúc với nạn nhân giả định, và dẫn đến việc giới thiệu đến cơ quan chức năng phù hợp.
2. Giả định bởi cơ quan chức năng rằng có đủ các chỉ số cho thấy người đó có thể là nạn nhân buôn người và do đó nên được hỗ trợ và bảo vệ ban đầu.
3. Việc xác minh bởi các cơ quan chức năng rằng người đó là một nạn nhân buôn người. Điều này có thể dẫn đến việc người đó được quyền hưởng các dịch vụ hỗ trợ và bảo vệ toàn diện hơn. Nó cũng có thể trùng hợp với việc điều tra và khởi tố những kẻ buôn người bị cáo buộc.
4. Việc xác nhận rằng người đó là một nạn nhân của tội phạm buôn người, theo kết quả kết tội kẻ buôn người. Giai đoạn này chỉ có thể áp dụng ở một số quyền tài phán, và thực tế là các tội phạm 'tội buôn người' không thể bị khởi tố thành công không có nghĩa là một người không phải là một nạn nhân buôn người.

Nhận diện nạn nhân buôn người có thể xảy ra sau kết quả điều tra phản ứng sau báo cáo trực tiếp của một nạn nhân, gia đình nạn nhân hoặc người khác. Nhận diện cũng có thể xảy ra chủ động, bởi công an hoặc các tổ chức khác- chẳng hạn như các quan chức biên giới và lao động - tiến hành điều tra và được trang bị để nhận diện nạn nhân buôn người trong công tác của họ. Gia tăng nỗ lực để chủ động nhận diện nạn nhân buôn người được ưa chuộng hơn việc chỉ dựa vào nhận diện phản ứng.

Bất cứ ai trong cộng đồng, bao gồm cả người thân, bạn bè và đồng nghiệp, có thể đóng một vai trò trong nhận diện nạn nhân, đặc biệt là trong giai đoạn sàng lọc ban đầu. Các tổ chức phi chính phủ bao gồm các tổ chức xã hội dân sự, các chuyên gia y tế, công đoàn người lao động và các công ty tuyển dụng chứng minh một nguồn thông tin vô giá và có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc nhận diện và giới thiệu nạn nhân buôn người giả định đến cơ quan chức năng phù hợp.

Tuy nhiên, các Chính Phủ có trách nhiệm chính trong việc nhận diện. Các cơ quan chức năng bao gồm cơ quan thực thi pháp luật (cảnh sát, công tố viên, cán bộ tư pháp, cán bộ xuất nhập cảnh và hải quan và thanh tra lao động), nhân viên dịch vụ xã hội, hành chính viên địa phương, và đại sứ quán và các viên chức lãnh sự cũng có thể đóng một vai trò trong nhận diện nạn nhân buôn người.²⁴ Ở nhiều Quốc Gia, các quy trình giả định,

Lời khuyên: Nâng cao nhận thức của công chúng về nạn buôn người để cải thiện nhận diện nạn nhân

Các Chính Phủ cần khởi xướng và hỗ trợ các chiến dịch nâng cao nhận thức của công chúng về các tình trạng buôn người. Tốt nhất là các chiến dịch này giải thích cho các đối tượng mục tiêu a) buôn người là gì và nó có thể tồn tại dưới hình thức nào, và b) các hành động cụ thể mà các cá nhân có thể thực hiện, và đặc biệt liên quan đến việc cung cấp thông tin chi tiết để giới thiệu đến các cơ quan chức năng, bao gồm thông tin về đường dây nóng.

24 Công Ước Vienna về Các Mối Quan Hệ Lãnh Sự 1967 phác thảo vai trò, quyền lợi và trách nhiệm của các viên chức lãnh sự khi thực hiện nhiệm vụ của mình ở các Quốc Gia trao trả và tiếp nhận, một số có liên quan hỗ trợ nạn nhân buôn người. Cẩm Nang dành cho Nhân Sự Ngoại Giao và Lãnh Sự về Việc Làm Thế Nào Để Hỗ Trợ và Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người là công cụ hữu ích cho nhân viên lãnh sự vì tài liệu này nêu rõ việc cần biết các chỉ số cụ thể khi xét duyệt hồ sơ thị thực. Xem: Cẩm Nang dành cho Nhân Sự Ngoại Giao và Lãnh Sự về Việc Làm Thế Nào Để Hỗ Trợ và Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người, Hội Đồng Văn Phòng Thư Ký Các Quốc Gia Bờ Biển Baltic, 2011.

xác minh và xác nhận chính thức được thực hiện bởi các cơ quan chức năng hữu quan được sử dụng để xác định tình trạng của một người là nạn nhân buôn người và cung cấp cho người đó hỗ trợ và bảo vệ tương ứng. Ở một số Quốc Gia, trách nhiệm đối với các quá trình này được phân bổ cho các quan chức thực thi pháp luật, và ở những quốc gia khác, được phân bổ cho các cơ quan phúc lợi xã hội của Nhà Nước. Ở các Quốc Gia khác, các quy trình chính thức để nhận diện nạn nhân được giao cho các tổ chức phi chính phủ chuyên biệt. Nhân viên lãnh sự cũng có thể đóng một vai trò trong nhận diện nạn nhân buôn người.

Lời khuyên: Tăng cường năng lực của các đối tác liên quan khác nhau tham gia trong nhận diện

Đưa ra các hướng dẫn và quy trình vận hành rõ ràng để làm rõ vai trò và trách nhiệm của số lượng lớn của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức khác hữu quan trong các quá trình nhận diện nạn nhân hiệu quả.

Bất kể phương pháp nhận diện của một Chính Phủ, tổ chức tập huấn phù hợp là điều cần thiết cho các đối tác liên quan để nhận diện nhanh chóng và hiệu quả nạn nhân buôn người.²⁵ Các hướng dẫn và thủ tục tiêu chuẩn về nhận diện nên tôn trọng và bảo vệ nhân quyền và nhân phẩm của nạn nhân buôn người giả định.²⁶

Lời khuyên: Tổ chức tập huấn nhận diện cho những người có thể tiếp xúc với các nạn nhân buôn người

Điều quan trọng là ưu tiên tập huấn cán bộ ở tuyến đầu trong việc nhận diện nạn nhân buôn người. Xem xét tập huấn cho giáo viên, nhà báo, chuyên gia y tế, các tổ chức khu vực tư nhân và những người khác trong cộng đồng mà có thể tiếp xúc với các nạn nhân buôn người, để họ nắm được những chỉ số mà có thể chỉ điểm một người là nạn nhân buôn người.

²⁵ (E/2002/68/Add.1), Cao Ủy Liên Hợp Quốc về Nhân Quyền, Hướng Dẫn 2: Nhận diện nạn nhân buôn người và kẻ buôn người, Hướng Dẫn 2(3).

²⁶ Đồng thời xem Hướng Dẫn Chính Sách về Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người, Tiến Trình Bali, 2015, phần 3 về "Phương pháp phối hợp và đa đối tác".

3.2. Các quá trình cơ bản

Mỗi giai đoạn của quá trình nhận diện cung cấp các cơ hội để sàng lọc người bằng cách quan sát và tương tác, từ điểm tiếp xúc ban đầu đến việc tiến hành các cuộc phỏng vấn. Ở mỗi giai đoạn của một quá trình nhận diện cơ bản, các thực hành viên phải xem xét các nhu cầu hỗ trợ và bảo vệ của nạn nhân.²⁷ Các Chính Phủ nên xem xét tổng hợp các thủ tục nhận diện vào các quá trình bảo vệ rộng hơn để cho phép việc giới thiệu đến cơ quan thích hợp khi nhu cầu bảo vệ đặc biệt được xác định (ví dụ, khi nạn nhân buôn người là trẻ em hoặc người xin tị nạn).



A. Điểm tiếp xúc đầu tiên

Tại điểm tiếp xúc đầu tiên, mục tiêu quan trọng là phải xem xét xem liệu một người có thể là nạn nhân buôn người và có cần được hỗ trợ và bảo vệ ban đầu.

Sàng lọc ban đầu xảy ra khi nạn nhân giả định gặp phải lần đầu tiên do quan sát (trò chuyện với người đó, hành vi, diện mạo hoặc hoàn cảnh của người đó), thông tin được cung cấp từ các giới thiệu của người thứ ba, hoặc thông qua việc tự nhận diện. Tuy nhiên, nạn nhân buôn người có thể không tự nhận diện mình vì những lý do đã nêu ở trên tại Phần 2.2.

Sàng lọc ban đầu tại điểm tiếp xúc đầu tiên có thể bị cản trở bởi các thách thức giao tiếp do rào cản ngôn ngữ và văn hóa, cũng như các vấn đề liên quan đến giới tính. Các rào cản này có thể được giải quyết một phần bằng cách đảm bảo rằng những người có thể tiếp xúc với nạn nhân giả định có kỹ năng ngôn ngữ và văn hóa hoặc cùng xuất xứ (hoặc sẵn sàng tiếp cận những người có những kỹ năng tương tự) để trang bị cho họ sàng lọc những người ở thời điểm tiếp xúc đầu tiên.

Khi xác minh không thể kết luận được, giả định rằng người đó là một nạn nhân buôn người nên được áp dụng để giúp người đó tiếp cận dịch vụ hỗ trợ và bảo vệ. Khi gặp phải nạn nhân buôn người giả định, họ có thể gặp nguy hiểm sắp xảy ra hoặc cần điều trị y tế khẩn cấp hoặc hỗ trợ khác. Việc ưu tiên là phải đảm bảo họ an toàn ngay lập tức tại thời điểm tiếp xúc đầu tiên.²⁸ Các nạn nhân giả định đầu tiên phải được giới thiệu đến các nhà cung cấp dịch vụ chuyên biệt dành cho chăm sóc xã hội, y tế, tâm lý, và chỗ ở an toàn để đảm bảo rằng họ được bảo vệ khỏi bị tổn thương thêm nữa. Điều cũng rất quan trọng là quyền riêng tư được bảo vệ, và họ đồng ý để nhận hỗ trợ và bảo vệ.²⁹

²⁷ Ngoài thông tin cung cấp trên đây, thông tin thêm về bảo vệ nạn nhân được cung cấp trong Hướng Dẫn Chính Sách về Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người.

²⁸ Xem Cẩm Nang IOM về Hỗ Trợ Hướng Dẫn cho Nạn Nhân Buôn Người, IOM, 2005.

²⁹ Xem Hướng Dẫn Chính Sách về Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người, Tiến Trình Bali.

Liên quan đến việc nhận diện nạn nhân buôn người trẻ em, điều hữu ích là thực thi các thủ tục để nhận diện nhanh chóng và thông báo ngay lập tức cho các nhà cung cấp dịch vụ trẻ em chuyên biệt. Vì trẻ em có thể về diện mạo không phải là trẻ em và/hoặc có thể nói dối về tuổi của mình, việc làm tốt nhất là xem một người có thể là trẻ em như một trẻ em, phù hợp với Công Ước về Các Quyền của Trẻ Em. Tương tự, khi một trẻ em có thể là nạn nhân buôn người, trẻ em đó nên được giả định là một nạn nhân cho đến khi có kết luận khác.³⁰

Lời khuyên: Tăng cường nhận diện các nạn nhân buôn người trẻ em

Thực hiện thủ tục nhận diện nhanh các nạn nhân buôn người trẻ em tiềm ẩn và thông báo ngay lập tức đến các nhà cung cấp dịch vụ trẻ em chuyên biệt, thông qua các phương pháp nhận diện cung cấp cả hai khả năng:

- Giả định về thiếu số, và
- Giả định về tình trạng nạn nhân.

B. Phỏng vấn ban đầu

Các cơ quan chức năng có thể xác minh một người là nạn nhân buôn người giả định trong cuộc phỏng vấn ban đầu. Mục tiêu cốt lõi của các cuộc phỏng vấn ban đầu nhằm đánh giá rủi ro và xác định nhu cầu hỗ trợ và bảo vệ cụ thể. Ở giai đoạn phỏng vấn ban đầu, người đó cần được thông báo về mục đích, thủ tục, và kết quả của cuộc phỏng vấn. Người đó nên được thông tin rõ ràng bằng một ngôn ngữ người đó hiểu, thông qua việc sử dụng các thông dịch viên kinh nghiệm, nếu cần thiết.

Người tiến hành phỏng vấn nên được đào tạo kỹ lưỡng để xây dựng lòng tin và mối gắn kết với nạn nhân giả định và tạo bầu không khí thoải mái để giúp người đó giao tiếp. Người phỏng vấn nên được đào tạo để hiểu biết về chấn thương và làm thế nào để tránh tái gây chấn thương trong cuộc hành phỏng vấn. Các tổ chức xã hội dân sự có thể là vô giá trong quá trình làm việc với các nạn nhân buôn người và cơ quan chức năng để xây dựng lòng tin và mối gắn kết giữa họ. Một số Chính Phủ sử dụng một bảng câu hỏi để hướng dẫn phỏng vấn ban đầu.³¹ Nhân viên phỏng vấn cũng đòi hỏi các kỹ năng thích hợp để giải quyết những thách thức do ngôn ngữ và văn hóa khác biệt, và để sử dụng các kỹ thuật phỏng vấn phù hợp với đặc điểm cá nhân của người được phỏng vấn.

- **Liên quan đến xem xét ngôn ngữ:** người phỏng vấn sẽ được hỗ trợ bởi danh sách các thông dịch viên vốn có thể hỗ trợ trong thời gian thông báo ngắn, do tác động của sự khác biệt về ngôn ngữ, dân tộc hay văn hóa đến việc xây dựng lòng tin và mối gắn kết. Phiên dịch viên phải công bằng, giới thiệu về vai trò của họ, về bảo mật và các vấn đề khác và được đào tạo một cách thích hợp. Vai trò của phiên dịch viên trong quá trình phỏng vấn cũng cần giải thích cho nạn nhân giả định.
- **Liên quan đến xem xét giới tính và độ tuổi:** Điều được ưa chuộng hơn là mọi người được phỏng vấn, hoặc trong sự hiện diện của, những người cùng giới tính. Trẻ em (hoặc những người có thể là trẻ em) nên được chỉ định một người giám hộ khi phù hợp (ví dụ, nếu trẻ em không có người lớn đi kèm) và chỉ nên được phỏng vấn bởi những người được đào tạo để làm việc với trẻ em.

³⁰ Hướng Dẫn Luật, Buôn Người, đoạn 65; Hướng Dẫn UNICEF về Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người Trẻ Em, và Bình Luận về Các Nguyên Tắc và Hướng Dẫn OHCHR về Nhân Quyền và Nạn Buôn Người, OHCHR, 2010, trang 162-164.

³¹ Ví dụ, Các Hướng Dẫn Khu Vực về Nhận Diện Ban Đầu và Cơ Chế Giới Thiệu cho Dân Số Di Cư trong Các Tình Trạng Dễ Bị Tổn Thương (được trình bày bởi Costa Rica được chuẩn bị hợp tác hỗ trợ với El Salvador, Guatemala, Honduras and Nicaragua, với IOM và UNHCR, trình bày đến Nhóm Cố Vấn Khu Vực về Di Cư (RCGM) của Hội Nghị Khu Vực về Di Cư (RCM) vào tháng 6 năm 2012, trang 11.

- **Liên quan đến xem xét văn hoá:** Điều có thể hoặc không thể được ưa chuộng để có người phỏng vấn xuất thân từ cùng một cộng đồng, hay cùng nền văn hóa với người được phỏng vấn. Trong khi người đó có thể cảm thấy thoải mái hơn với một người có cùng nền văn hoá; trong các trường hợp khi cộng đồng tham gia vào hoặc tán thành với hành vi bóc lột, nạn nhân có thể bị đặt vào tình thế rủi ro nghiêm trọng do được phỏng vấn bởi một người từ chính cộng đồng của mình.

Việc xác định điều gì là thích hợp cho một cuộc phỏng vấn sẽ cần có sự cố vấn với người được phỏng vấn về sự lựa chọn của người đó và đáp ứng sự lựa chọn đó ở mức có thể và thích hợp.

Lời khuyên: Hỗ trợ sử dụng các kỹ thuật phỏng vấn nhạy cảm nạn nhân

Đảm bảo những người tiến hành các cuộc phỏng vấn đều được trang bị các kỹ năng thích hợp để giải quyết các xem xét về ngôn ngữ, giới tính, tuổi tác và văn hóa. Khi có thể, tham khảo ý kiến cá nhân người được phỏng vấn về lựa chọn ưa chuộng của họ và đáp ứng các lựa chọn đó ở mức thích hợp.

Khi thực hiện một cuộc phỏng vấn ban đầu, có một số xem xét quan trọng cần lưu ý, bất kể tình trạng hay đặc tính của người đó. Ví dụ, điều hữu ích cho các quá trình nhận diện bao gồm thủ tục tiếp nhận và xem xét quyền đòi tị nạn từ các nạn nhân buôn người mà họ có thể cần xin tị nạn.³² Các cơ quan tị nạn (hoặc UNHCR ở một số quốc gia mà không có hệ thống tị nạn quốc gia) nên thực hiện việc xác định tình trạng tị nạn đối với những người có bất kỳ dấu hiệu trong quá trình nhận diện nạn nhân rằng họ có thể có nguy cơ bị đàn áp hoặc bị tổn thương nghiêm trọng tại quốc gia xuất xứ của họ. Tương tự, các cơ quan chức năng chống buôn người nên sàng lọc người xin tị nạn và người tị nạn có dấu hiệu cho rằng họ có thể là nạn nhân buôn người. Các cơ chế giới thiệu thích hợp cần được thiết lập để cho phép giới thiệu các cá nhân có nhu cầu tìm kiếm sự bảo vệ quốc tế của một người tị nạn, và cho phép giới thiệu người xin tị nạn và người tị nạn có thể là nạn nhân buôn người đến các cơ quan chống buôn người thích hợp. Trong cả hai trường hợp, các cơ quan chức năng phải đảm bảo rằng bất kỳ sự hợp tác với cơ quan chức năng ở các quốc gia xuất xứ không gây nguy hiểm cho những người có thể là người xin tị nạn hay người tị nạn.

Lời khuyên: Đảm bảo các thủ tục nhận diện cho phép giới thiệu người xin tị nạn thích hợp

Các Chính Phủ không nên liên hệ với các đại diện ngoại giao của quốc gia xuất xứ để nhận diện khi một người đã nộp đơn xin tị nạn, hoặc khi có lý do để tin rằng một người là người tị nạn.

C. Các cuộc phỏng vấn chính thức

Cuộc phỏng vấn chính thức cung cấp cơ hội để tinh lọc các dịch vụ hỗ trợ và bảo vệ được cung cấp, trên cơ sở nhu cầu cụ thể có thể được xác định. Thực hành tốt nhất là các cơ quan chức năng cung cấp cho các nạn nhân một 'giai đoạn phản ánh' để hỗ trợ họ phục hồi đầy đủ từ thử thách để cung cấp bằng chứng trong quá trình phỏng vấn chính thức.³³ Phụ thuộc vào điều kiện và nhu cầu của cá nhân nạn nhân hoặc nạn nhân buôn người giả định, các cuộc phỏng vấn chính thức có thể diễn ra trước hoặc sau khi giai đoạn phản ánh đã bắt đầu, tại thời điểm khi nạn nhân có khả năng tốt hơn để đóng góp sau khi đã nhận được sự hỗ trợ và bảo vệ ban đầu.

³² Xem Điều 14 của Nghị Định Thư Nạn Buôn Người. Đồng thời xem Các Nguyên Tắc và Hướng Dẫn Được Khuyến Nghị về Nhân Quyền và Tội Buôn Người (E/2002/68/Add.1),

Cao Ủy Liên Hợp Quốc về Nhân Quyền, Hướng Dẫn 2(7).

³³ Để biết thêm thông tin về giai đoạn phản ánh, xem Hướng Dẫn Chính Sách về Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người, Tiến Trình Bali, 2015.

Một khi các dịch vụ hỗ trợ và bảo vệ đã được cung cấp, các cuộc phỏng vấn sau đó có thể phục vụ các mục tiêu điều tra hoặc khởi tố. Thông tin có thể được thu thập cho mục đích xác nhận có hay không một người là nạn nhân buôn người. Mọi người phải đồng ý để được phỏng vấn, cho quay video hoặc ghi âm cuộc phỏng vấn đang được thực hiện, và phải hiểu được mục đích và ý nghĩa của cuộc phỏng vấn.³⁴ Cuộc phỏng vấn và bất kỳ bản ghi nội dung hoặc thu âm phải được bảo mật để bảo vệ người được phỏng vấn và sự riêng tư của họ. Người phỏng vấn nên được đào tạo chuyên môn để hiểu biết lý do tại sao tường trình của nạn nhân có thể thay đổi, và nên làm quen với cách làm việc với những người ở các độ tuổi khác nhau, sử dụng ngôn ngữ khác nhau, có xuất thân từ những nền văn hóa đa dạng, và có thể bị chấn thương.³⁵

Giai đoạn này trong quá trình có thể dẫn đến lập tờ khai nạn nhân. Bằng chứng khác cũng cần được thu thập ở giai đoạn này để xác định các sự kiện hoặc thông tin hữu quan để chứng thực cho tờ khai nạn nhân. Kế hoạch bảo vệ được thiết lập sẵn cho một cá nhân có thể cần phải được sửa đổi trên cơ sở thông tin nhận được trong buổi phỏng vấn. Giới thiệu đến các nhà cung cấp dịch vụ chuyên biệt có thể cần thiết.

Như đã thảo luận ở trên trong Phần 2.2, nạn nhân có thể miễn cưỡng tin tưởng cơ quan chức năng. Phỏng vấn nạn nhân có thể gặp thử thách, và đòi hỏi độ nhạy cảm và kiên nhẫn để tránh gây căng thẳng cảm xúc và lo lắng hơn cho các nạn nhân. Người phỏng vấn cần tập trung xây dựng lòng tin và sự tự tin. Bất cứ khi nào có thể, người phỏng vấn nên tránh gây cho nạn nhân nhớ lại trải nghiệm mà sẽ gây thương tổn, xấu hổ và/hoặc đánh mất quyền lực, hoặc làm cho họ mất tự tin trong việc đưa ra các quyết định. Làm như vậy có thể làm cho các nạn nhân tổn thương thêm, gây trở ngại cho việc thu thập bằng chứng, và ngăn chặn nạn nhân tiếp tục hợp tác với quá trình tư pháp hình sự.

3.3. Các chỉ số buôn người

Ở nhiều Quốc Gia, bộ ‘chỉ số’ tiêu chuẩn được sử dụng để xác định tình trạng tiềm ẩn của nạn buôn người. Các chỉ số này có thể là những công cụ hữu ích cho việc tập huấn và xây dựng năng lực của các đối tác hữu quan cụ thể (ví dụ, các chuyên gia y tế cũng như cảnh sát, quan chức xuất nhập cảnh và hải quan), và có thể liên quan đến các khía cạnh nhất định của tình trạng buôn người tiềm ẩn (ví dụ, các thủ đoạn được kẻ buôn người sử dụng để có được sự phục tùng của nạn nhân), hoặc một dạng bóc lột nhất định (ví dụ, lao động cưỡng bức). Trong thực tế, do hầu hết các nạn nhân buôn người được nhận diện mỗi khi họ bị bóc lột, các chỉ số liên quan đến giai đoạn bóc lột được xem là đáng tin cậy hơn.

Lời khuyên: Hãy xem xét các chỉ số trọng lượng

Các Chính Phủ nên xem xét các chỉ số trọng lượng để giúp đỡ những người có trách nhiệm nhận diện nạn nhân nhằm thiết lập ưu tiên một số loại thông tin nhất định. Phương pháp của ILO và Ủy Ban Châu Âu xếp hạng mỗi chỉ tiêu là mạnh, trung bình hay yếu, với điều kiện là một chỉ số đơn lẻ có thể được xếp là mạnh đối với trẻ em trong khi trung bình đối với người trưởng thành, hay mạnh đối với bóc lột tình dục và yếu đối với bóc lột lao động.

Tuy nhiên, những hạn chế vốn có của các chỉ số phải luôn được xem xét. Do có nhiều hình thức buôn người khác nhau, và trong các hoàn cảnh bóc lột khác nhau, một số chỉ số luôn luôn cho thấy rõ hơn những chỉ số khác. Nói cách khác, một chỉ số có thể mang tính thuyết phục trong một trường hợp buôn người có thể hoàn toàn không hiện diện hoặc không liên quan ở trường hợp khác. Ví dụ, một người làm việc quá nhiều giờ mỗi ngày được trả lương hạn chế dưới sự canh gác vũ trang là một chỉ số buôn người mạnh hơn trẻ em được đưa vượt biên không có hộ chiếu. Một số chỉ số cũng có thể là chỉ điểm

34 Nhìn chung trẻ em không thể cung cấp đồng ý pháp lý. Các thủ tục để đạt được đồng ý từ cha mẹ hoặc người giám hộ nên được xác nhận trước khi tiến hành phỏng vấn trẻ em.

35 Xem Cẩm Nang Chống Buôn Người cho Các Thực Hành Viên Tư Pháp Hình Sự, Bài 8: Phỏng vấn nạn nhân buôn người vốn là nhân chứng tiềm tàng, UNODC, 2009.

cho các loại tội phạm hoặc hoàn cảnh khác, và việc có hay không có bất kỳ chỉ số nào không thể kết luận trong việc xác định liệu rằng nạn nhân đang xảy ra.³⁶ Một hạn chế nữa là những kẻ buôn người thích ứng với chỉ số và có thể hành động phù hợp, ví dụ, bằng cách cho nạn nhân giữ các giấy tờ thông hành và giấy tờ tùy thân của mình để không làm tăng sự nghi ngờ của cơ quan chức năng. Về những hạn chế này, việc sử dụng kết hợp 'các loại' chỉ số khác nhau sẽ cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn vào việc phụ thuộc vào một loại chỉ số. Hơn nữa, các chỉ số không phải là bằng chứng buôn người, nhưng có thể được sử dụng để chứng minh cho một giả định có lợi cho nạn nhân để nhận được hỗ trợ và bảo vệ.

Các danh sách không toàn diện về các chỉ số mẫu sau đây được cung cấp đối với các kiểu bóc lột khác nhau được liệt kê trong Nghị Định Thư Nạn Nhân Buôn Người, và cần được xem xét với những hạn chế nêu trên. Vì danh sách các hình thức bóc lột trong Nghị Định Thư không toàn diện, các chỉ số của các hình thức bóc lột khác ngày càng gặp phải trong thực tế cũng được nêu ra dưới đây. 'Người đó' được đề cập trong các chỉ số dưới đây là nạn nhân buôn người giả định, không phải là kẻ buôn tiềm ẩn.

Lời khuyên: Điều chỉnh chỉ số theo bối cảnh

Các danh sách chỉ số hiệu quả nhất khi chúng được điều chỉnh thích ứng với những tình trạng cụ thể mà cơ quan chức năng gặp phải trong công tác của họ. Một cách lý tưởng, các Chính Phủ nên cập nhật các danh sách chỉ số thường xuyên để đảm bảo tính liên quan tiếp diễn đối với các xu hướng buôn người thay đổi.

Các chỉ số chung cốt lõi của bóc lột

Các chỉ số dưới đây có thể áp dụng cho mọi hình thức bóc lột. Một số chỉ số sẽ chỉ điểm các dấu hiệu của hành vi bóc lột và những chỉ số khác sẽ chỉ điểm các dấu hiệu điều khiển mà những kẻ buôn người có thể thực hiện đối với nạn nhân bị nghi ngờ:

- Người đó bị cưỡng bức/ép buộc tham gia vào hoặc ở lại trong tình trạng đó
- Người đó đang bị lừa dối về bản chất/địa điểm của tình trạng đó
- Ngày hoặc giờ làm việc của người đó quá mức
- Điều kiện sinh hoạt hoặc làm việc của người đó vô nhân đạo và/hoặc giảm nhân phẩm
- Người đó dưới sự điều khiển của/phụ thuộc nhiều vào người khác
- Người đó bị đe dọa hoặc bị đe dọa sử dụng vũ lực
- Người đó đang ở trong tình trạng không phù hợp với độ tuổi của mình

Các chỉ số cốt lõi của các hình thức bóc lột cụ thể

Các chỉ số sau đây liên quan đến các hình thức bóc lột cụ thể được liệt kê trong Nghị Định Thư Nạn Nhân Buôn Người. Vì danh sách các hình thức bóc lột trong Nghị Định Thư không toàn diện, các chỉ số của một số hình thức bóc lột khác ngày càng gặp phải trong thực tế cũng được nêu ra dưới đây.

36 Xem Cẩm nang chống buôn người cho các thực hành viên tư pháp hình sự, UNODC/UN.GIFT, 2009, Bài 2. Đồng thời xem Các Cơ Chế Giới Thiệu Quốc Gia: Sổ Tay Thực Hành, OSCE, 2004, trang 61.

Bóc lột mại dâm của những người khác và các hình thức bóc lột tình dục khác

Như đã nêu trong Bảng 1 (Phần 1.1), không phải tất cả mọi người làm việc trong ngành công nghiệp tình dục là nạn nhân buôn người. Các chỉ số dưới đây có thể hữu ích trong việc nhận diện những người được giả định là nạn nhân buôn người:

- Người đó không thể từ chối khách hàng dịch vụ, để thực hiện các hành vi tình dục cụ thể hoặc có quan hệ tình dục không được bảo vệ.
- Người đó không nhận tiền trực tiếp từ khách hàng/chỉ nhận một phần nhỏ của khoản phí mà khách hàng trả cho chủ thuê hoặc người trung gian.
- Người đó bị cưỡng bức/ép buộc sử dụng hoặc không sử dụng các biện pháp tránh thai cụ thể
- Người đó bị cưỡng bức/ép buộc phải thử nghiệm y tế/thử thai
- Người đó là vị thành niên

Buôn người với mục đích cắt lấy nội tạng

Các chỉ số sau đây liên quan chủ yếu đến các tình trạng mà cơ quan sẽ bị cắt lấy hoặc đã bị cắt lấy cho mục đích cấy ghép y tế. Chúng ít có liên quan đến cắt lấy cơ quan cho mục đích văn hóa và lễ nghi:

- Người đó bị cưỡng bức/ép buộc phải đồng ý để bị cắt lấy cơ quan
- Người đó bị lừa dối về các thủ tục liên quan hoặc khoản bồi thường nhận được để bị cắt lấy cơ quan
- Người đó không biết ở đâu hoặc khi nào thủ tục cấy ghép sẽ diễn ra
- Người đó không hiểu biết thủ tục cấy ghép và các rủi ro liên quan
- Có sự hiện diện của bên mua thứ ba
- Có các dấu hiệu cho thấy người nhận có ý định đi ra nước ngoài với người đó

Buôn người với mục đích phục vụ nô dịch trong nhà

- Người đó nhận được thức ăn kém chất lượng / tiêu chuẩn thấp và có dấu hiệu suy dinh dưỡng
- Người đó làm việc quá nhiều giờ
- Người đó không có không gian riêng tư, hay không gian riêng tư không đầy đủ
- Người đó bị kiểm chế hoặc từ chối giao tiếp xã hội và/hoặc không bao giờ rời khỏi nhà mà không có chủ thuê
- Người đó phải chịu nhục mạ, lạm dụng, đe dọa, bạo lực và/hoặc hành hung
- Người đó phải trả một khoản phí tuyển dụng
- Người đó là vị thành niên

Buôn người với mục đích cưỡng bức, nô lệ hoặc tảo hôn

- Tiền mặt hoặc 'quà cáp' khác được trả cho bên thứ ba để dàn xếp cuộc hôn nhân
- Một hợp đồng kết hôn được thương lượng bởi những người mà không phải các đương sự kết hôn và/hoặc không có sự tham gia hoặc thỏa thuận của họ
- Người đó bị cưỡng bức tham gia vào trình trạng lao động, nô dịch trong nhà hoặc bóc lột tình dục
- Người đó đã bị/sẽ bị kiểm tra trinh tiết
- Người thân của người đó bị cưỡng bức phải kết hôn
- Người đó biểu hiện các dấu hiệu trầm cảm, tự hại, cô lập xã hội hoặc lạm dụng thuốc
- Có các dấu hiệu của sự bất hòa trong gia đình, bạo lực hoặc lạm dụng
- Người đó là vị thành niên

Buôn người với mục đích bóc lột trong các hoạt động ăn xin và hình sự

- Người đó bị trừng phạt nếu họ không kiếm được hoặc trộm cắp đủ
- Người đó sống với những người khác thực hiện các hoạt động tương tự
- Người đó không hiểu mục đích và tính bất hợp pháp của các hoạt động đó
- Người đó là vị thành niên, người già hoặc người khuyết tật

Các chỉ số nêu trên liên quan đến các hình thức bóc lột cụ thể có thể liên quan ngoài những chỉ số được cung cấp dưới đây, có thể áp dụng cho mọi hình thức bóc lột.

Thách Thức của Nhận Diện Nạn Nhân Buôn Người Bị Bóc Lột Trong Các Hoạt Động Hình Sự

Những người bị bóc lột trong các hoạt động hình sự có thể bị nhận diện nhầm là tội phạm chứ không phải là nạn nhân buôn người. Để giảm nguy cơ này, các cơ quan chức năng cần được tập huấn đầy đủ về hành vi sử dụng ‘các thủ đoạn’ của những kẻ buôn người nhằm điều khiển một người và đưa họ vào tình trạng bóc lột, và không có sự đồng ý của nạn nhân về hành vi bóc lột.

Sử dụng ‘các thủ đoạn’ bởi kẻ buôn người bị tinh nghi

‘Các thủ đoạn’ được nêu ra ở Nghị Định Thư Nạn Nhân Buôn Người là các chỉ số buôn người. Mặc dù việc sử dụng ‘các thủ đoạn’ không phải là một yếu tố cần thiết cấu thành hành vi phạm tội buôn người theo Nghị Định Thư khi nạn nhân là trẻ em, nhưng việc sử dụng các thủ đoạn này có thể là chỉ điểm của buôn người hoặc bóc lột liên quan. Các thủ đoạn có thể được sử dụng ở bất kỳ giai đoạn nào của quá trình buôn người từ việc tuyển mộ, chuyên chở, chuyển nhượng, chứa chấp hoặc tiếp nhận một người, đến việc điều khiển người đó trong giai đoạn bóc lột, và có thể được sử dụng để đưa nạn nhân vào bất kỳ hình thức bóc lột. Mặc dù việc sử dụng một số ‘thủ đoạn’ tương đối dễ dàng nhận diện (ví dụ, sử dụng vũ lực), đôi khi ‘thủ đoạn’ tinh vi và khó xác định (ví dụ, lạm dụng quyền thế hay một vị thế dễ bị hại).

Danh sách không toàn vẹn sau đây cung cấp các chỉ số tiềm ẩn của nạn nhân buôn người để hỗ trợ thiết lập yếu tố này của tội buôn người:

Đe Dọa

- Người đó (hoặc gia đình, bạn bè hoặc cộng đồng của người đó) bị đe dọa
- Người đó (hoặc gia đình, bạn bè hoặc cộng đồng của người đó) bị đe dọa bằng vũ lực
- Người đó bị đe dọa bằng việc làm tội tệ thêm điều kiện làm việc hoặc sinh hoạt
- Người đó bị đe dọa sẽ bị giao cho cơ quan chức năng
- Người đó bị đe dọa bằng vũ lực

Sử dụng vũ lực

- Người đó biểu hiện các dấu hiệu tổn thương thể chất
- Người đó biểu hiện các dấu hiệu tổn thương tinh thần và tâm lý
- Người đó biểu hiện các dấu hiệu bị hành hung tình dục và/hoặc hiếp dâm

Ép Buộc

- Người đó gặp khó khăn về gia đình hoặc kinh tế
- Người đó có tiền sử phạm tội hoặc cơ quan chức năng không biết đến
- Người đó có tình trạng di cư trái phép và/hoặc không có giấy tờ.
- Giấy tờ, tiền bạc hay tài sản khác của người đó đã bị tịch thu
- Người đó đã ký một hợp đồng nợ không công bằng
- Người đó bị cô lập, bị kiểm chế, và/hoặc được đặt dưới sự quan sát hoặc giám sát
- Tín ngưỡng văn hóa hay tôn giáo của người đó đã bị xuyên tạc

Nạn Bắt Cóc

Lừa Đảo/Lừa Gạt (thông tin sai, không chính xác, không đầy đủ hoặc sai lệch) liên quan đến:

- Quá trình di cư hoặc tương lai của người đó (bao gồm điểm đến)
- Điều kiện tuyển dụng và đi lại của người đó
- Điều kiện làm việc của người đó bao gồm: loại hình, mức lương, lương tuần, tổng thu nhập, tiền kiếm được
- Tiếp cận các cơ hội giáo dục của người đó
- Các điều kiện nhà ở và vị trí hoặc sinh hoạt của người đó
- Tính hợp pháp của các giấy tờ, tình trạng di cư, làm việc hoặc hợp đồng của người đó
- Luật pháp, thái độ hay hành vi của cơ quan chức năng đối với người đó
- Tương lai triển vọng về đoàn tụ gia đình, hôn nhân hay được nhận con nuôi của người đó

Lạm dụng quyền thế hoặc vị thế để bị hại,³⁷ thông qua việc lạm dụng:

- Sự phụ thuộc kinh tế, tâm lý hoặc tình cảm của người đó, hoặc mối quan hệ với người bóc lột/chủ thuê/thành viên gia đình
- Quan hệ tình cảm hay cảm xúc của người đó với người bóc lột/chủ thuê/thành viên gia đình/người khác
- Hồ sơ và/hoặc tình trạng di cư của người đó
- Sự cô lập xã hội, văn hóa hay ngôn ngữ của người đó
- Thất nghiệp hoặc nghèo túng kinh tế của người đó
- Khuyết tật về tâm lý hoặc thể chất của người đó
- Tuổi (trẻ hay già), giới tính, khuynh hướng tình dục, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, và khuyết tật của người đó
- Tín ngưỡng, lễ nghi hay các tập tục văn hóa hay tôn giáo của người đó
- Sự phụ thuộc hoặc nghiện thuốc hoặc rượu của người đó

Cho hoặc nhận tiền thanh toán hoặc lợi ích để đạt được sự đồng ý của một người đang kiểm soát người khác:

- Người đó bị đặt trong tình trạng thông qua trả tiền phí, của hồi môn hoặc cho hoặc nhận quà tặng cho người thứ ba.

³⁷ Xem Lạm Dụng Vị Thế Để Bị Tồn Thương và 'các thủ đoạn' khác trong định nghĩa buôn người, UNODC, 2012 và Ghi Chú Hướng Dẫn về 'lạm dụng vị thế để bị tổn thương' như một thủ đoạn của buôn người in Điều 3 của Nghị Định Thư về Ngăn Chặn, Trấn Áp và Trừng Phạt Tội Buôn Người, Đặc Biệt là Phụ Nữ và Trẻ Em, bổ sung Công Ước Liên Hợp Quốc chống Tội Phạm Có Tổ Chức Xuyên Quốc Gia, UNODC, 2012.

Cách thức nạn nhân giả định đi lại, đi vào, hoặc ở lại một Ngoại Quốc

Trong trường hợp một người bị tình ngờ là một nạn nhân buôn người xuyên quốc gia, cách thức người đó đi lại, đi vào, hoặc ở lại một Ngoại Quốc có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về tình trạng của người đó như là một nạn nhân buôn người giả định:

- Giấy tờ thông hành hoặc tùy thân của người đó được mang theo/trình diện bởi bên thứ ba
- Các công ty tuyển dụng và/hoặc du lịch không đăng ký và/hoặc không theo luật định và/hoặc tính mức phí cao cho người lao động
- Thị thực nhập cảnh không áp dụng và/hoặc mục đích chuyến đi không tương ứng với các thông tin khác (ví dụ, không đủ tiền cho thời gian lưu trú, điều kiện thể chất của người đó, hoặc nghề nghiệp khai báo)
- Hành lý của người đó không tương ứng với tờ khai của du khách (ví dụ, chất lượng và loại hành lý, túi xách nhỏ cho thời gian lưu trú dự định dài hoặc túi xách lớn cho lưu trú dự định ngắn hạn)
- Người đó đi lại trong một nhóm người anh ấy hay cô ấy có vẻ chưa biết đến
- Người đó có giấy tờ tùy thân sai, công việc và/hoặc giấy tờ thông thành và/hoặc thông tin được cung cấp bởi du khách không đáng tin cậy
- Người đó nhằm lẫn về tuyến đường đi lại, điểm đến hoặc mục đích chuyến đi
- Người đó đang ở trong một tình trạng di cư/cư trú trái phép (bao gồm do bị tịch thu các giấy tờ tùy thân hoặc buộc thôi việc)

Điều kiện thể chất của nạn nhân giả định

Nhiều nạn nhân buôn người bị tổn thương tinh thần và thể chất nghiêm trọng trong quá trình bị buôn bán. Tình trạng thể chất của một người khi gặp phải có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về việc có hay không người đó có thể là nạn nhân buôn người. Tuy nhiên, điều quan trọng phải lưu ý rằng nhiều nạn nhân buôn người không tự nhận mình là nạn nhân và có thể biểu hiện đồng tình với tình trạng của họ.³⁸ Việc khẳng định của một người về sự hài lòng của họ với một tình trạng có thể chứng minh tính hiệu quả trong việc đã lôi kéo người đó của kẻ buôn người.

Tình trạng tâm lý và các dấu hiệu hành vi:

- Người đó có biểu hiện bồn chồn, trầm cảm, phục tùng, sợ hãi, căng thẳng, lo lắng, hoang tưởng
- Người đó từ chối giao tiếp bằng mắt
- Người đó miễn cưỡng nói chuyện hay thảo luận về chấn thương

Dấu hiệu thể chất của sự ngược đãi và/hoặc xao lãng:

- Người đó biểu hiện các dấu hiệu của bạo lực thể chất
- Người đó biểu hiện các dấu hiệu nghiện/phụ thuộc/sử dụng ma túy hoặc rượu
- Người đó biểu hiện các dấu hiệu của suy dinh dưỡng, hoặc các điều kiện thể chất khác do thiếu lương thực, nước, giấc ngủ, chăm sóc y tế hoặc các yếu tố thiết yếu khác
- Người đó biểu hiện các dấu hiệu thiếu vệ sinh do thiếu tiếp cận các thiết bị giặt giũ và/hoặc vệ sinh

³⁸ Xem phần 2.2.

Điều kiện nơi nạn nhân giả định được phát hiện sống và/hoặc làm việc

Các chỉ số về điều kiện sinh hoạt và/hoặc làm việc liên quan đến việc bóc lột các nạn nhân buôn người. Nạn nhân giả định có thể được phát hiện trong một loạt các ngành công nghiệp và bối cảnh, bao gồm ngành công nghiệp tình dục cũng như công việc nội trợ, chăm sóc trẻ, dịch vụ y tế, chăm sóc người già, thể thao, vui chơi giải trí, ăn uống/khách sạn, xây dựng, lâm nghiệp, ngư nghiệp, khai thác mỏ, nông nghiệp, và công nghiệp dệt may. Các chỉ số dưới đây được áp dụng cho tất cả các bối cảnh mà trong đó một nạn nhân buôn người giả định được phát hiện sống và/hoặc làm việc.

Tiền lương và hợp đồng:

- Người đó bị cầm sở hữu và/hoặc chuyển tiền thu nhập và tiền tiết kiệm
- Người đó nhận được ít hoặc không lương cho công việc mình làm hoặc tiền lương bị trì hoãn
- Người đó được trả thấp hơn so với mức lương hứa hẹn hoặc mức lương tối thiểu quốc gia
- Khoản cắt giảm quá mức được trích từ tiền lương của người đó, bao gồm trả nợ cho chủ thuê/công ty tuyển dụng
- Người đó bị từ chối lợi ích và các bảo trợ xã hội mà họ có quyền hưởng hợp pháp
- Người đó không ký một hợp đồng hoặc các điều khoản của hợp đồng không được tuân theo
- Người đó buộc phải ký một hợp đồng mới khi vừa đến Quốc Gia đó và/hoặc bắt đầu công việc
- Chủ thuê không thể cho người lao động xem chứng từ thanh toán tiền lương
- Người đó bị sa thải không có nguyên nhân, thông báo và/hoặc lợi ích

Sức khỏe và an toàn lao động:

- Người đó không được cung cấp vật dụng và thiết bị an toàn và bảo vệ khác phù hợp, hoặc được tập huấn để sử dụng thiết bị và vật dụng
- Người đó bị từ chối tiếp cận chăm sóc y tế
- Người đó làm việc kéo dài/giờ giấc bất thường
- Người đó có ít hoặc không có thời gian giải trí
- Người đó phải chịu hình phạt/tiền phạt vì không đáp ứng hạn ngạch

Những hạn chế đi lại và cơ sở vật chất tiêu chuẩn thấp:

- Người đó biểu hiện các dấu hiệu bị kiểm chế đi lại hoặc hạn chế quanh nơi làm việc hoặc địa điểm khác (ví dụ: cửa sổ bị chặn/ngăn chặn, cửa bị khóa từ bên ngoài, hàng rào kẽm gai, camera an ninh)
- Người đó ngủ tại nơi làm việc
- Người đó bị từ chối tiếp cận các phương tiện giao tiếp
- Người đó không được giữ các giấy tờ thông hành/tuỳ thân của họ, và/hoặc giấy tờ bị tịch thu bởi chủ thuê hoặc người khác³⁹

³⁹ Để biết thêm thông tin và nguồn về các chỉ số, vui lòng xem Ma Trận Tài Nguyên.

Phần 4:

Tóm tắt các lời khuyên cho nhận diện nạn nhân buôn người

- ✓ **Đưa ra một giả định có lợi trong việc xem các nạn nhân buôn người giả định là nạn nhân:** Các chính sách của các Chính Phủ đối với việc nhận diện nạn nhân nên cho phép các cơ quan chức năng tình ngờ một người là nạn nhân buôn người để hành động trên giả định đó bằng cách xem người đó là một nạn nhân cho mục đích cung cấp sự hỗ trợ và bảo vệ ban đầu.
- ✓ **Nâng cao nhận thức về các tội phạm liên quan đến buôn người:** Một người không phải là nạn nhân buôn người nhưng có thể là nạn nhân của tội phạm khác và cần các biện pháp giúp đỡ và bảo vệ. Các thực hành viên có trách nhiệm nhận diện nạn nhân buôn người nên nhận biết được các loại tội phạm liên quan để được trang bị để ứng phó phù hợp.
- ✓ **Nhận diện nạn nhân buôn người giả định trong các nhóm người dễ bị buôn bán:** Trước giai đoạn bóc lột, rất khó để nhận diện nạn nhân buôn người. Các Chính Phủ cần đảm bảo rằng các chính sách bao gồm các điều khoản ngăn chặn hỗ trợ các cơ quan chức năng nhận diện nạn nhân giả định trong nhóm người dễ bị buôn bán, bao gồm người di cư bị đưa đi trái phép.
- ✓ **Nhận diện tình trạng nô lệ:** Nô lệ được đánh dấu bởi các mối quan hệ tồn tại giữa kẻ phạm tội và nạn nhân của họ, chứ không phải bởi các điều kiện của tình trạng đó. Các cơ quan chức năng nên biết rằng một người ở trong tình trạng nô lệ có thể sống thoải mái, nhưng không có quyền đưa ra quyết định cá nhân cơ bản.
- ✓ **Nhận diện lệ thuộc vì nợ:** Lệ thuộc vì nợ là một vấn đề trải nghiệm chung của nhiều nạn nhân buôn người. Một tình trạng lệ thuộc vì nợ có thể được nhận diện bởi sự tồn tại của một khoản nợ không xác định và không thể trả hết bởi bất kỳ số lượng công việc hoặc dịch vụ. Nhiều quyề tài phán hiểu lệ thuộc vì nợ rộng hơn, như tình trạng lao động hoặc dịch vụ được cung cấp để trả một món nợ trong điều kiện bóc lột.
- ✓ **Nhận diện kết hôn cưỡng bức:** Kể từ khi Công Ước Bồ Sung về chế độ nô lệ có hiệu lực, vốn chỉ xác định kết hôn cưỡng bức ở phụ nữ, điều được thừa nhận rộng rãi trong thực tế là trẻ em trai và nam giới cũng có thể bị cưỡng bức kết hôn. Để chống lại kết hôn cưỡng bức dưới mọi hình thức, điều hữu ích là nhân rộng các thực hành của các Chính Phủ để đảm bảo pháp luật cấm kết hôn cưỡng bức áp dụng như nhau bất kể giới tính của các bên liên quan.
- ✓ **Xác định bán trẻ em với mục đích bóc lột:** Vì việc bán trẻ em hoặc trẻ sơ sinh không yêu cầu bóc lột diễn ra sau khi bán, các Chính Phủ nên xem xét mở rộng khái niệm này để bao hàm những hành vi như bán làm con nuôi và dàn xếp để thuê thương mại.

- ✓ **Thiết lập sẵn các chỉ số cụ thể đối với các hình thức bóc lột khác:** Các Chính Phủ cần xem xét tổ chức tập huấn cho cán bộ ứng phó đầu tiên về các chỉ số buôn người đầy đủ chi tiết và cụ thể để cho phép các cơ quan chức năng nhận ra các hình thức bóc lột khác nhau. Trong quá trình cung cấp hỗ trợ và bảo vệ, bằng chứng bổ sung về các yếu tố khác của định nghĩa có thể trở nên rõ ràng. Phần 3.3 cung cấp cơ sở để phát triển các chỉ số cụ thể và chi tiết.
- ✓ **Khuyến khích các nạn nhân ra trình diện bằng cách giải quyết các mối quan ngại của họ về giam giữ và trục xuất:** Để giải quyết nỗi lo sợ mà nạn nhân có thể có về việc bị giam giữ, các biện pháp cần được thiết lập sẵn để đảm bảo rằng các nạn nhân không bị hình sự hóa đối với hành vi phạm tội mà họ đã phạm do bị buôn bán, bao gồm hành vi phạm tội nhập cư. Để giải quyết những nỗi sợ hãi bị trục xuất của các nạn nhân, các phương án xin thị thực cần được thiết lập sẵn để cho phép các nạn nhân buôn người ở lại nước đến để nhận hỗ trợ và giúp đỡ.
- ✓ **Khuyến khích các nạn nhân ra trình diện bằng cách bảo vệ họ và gia đình của họ:** Các Chính Phủ cần xem xét thiết lập sẵn các biện pháp để đảm bảo hiệu quả bảo vệ nạn nhân, nhân chứng và gia đình của họ. Trong trường hợp người cần được bảo vệ ở những quốc gia khác, nên hợp tác với cán bộ tư pháp hình sự ở những quốc gia đó hoặc nếu phù hợp, các phương án xin thị thực và nhập cư nên được thiết lập sẵn có để cung cấp bảo vệ cho những người có nguy cơ bị hại.
- ✓ **Khuyến khích các nạn nhân ra trình diện bằng cách bảo vệ họ khỏi ô nhục:** Các Chính Phủ cần đảm bảo rằng các chương trình hỗ trợ và bảo vệ giúp giải quyết nỗi sợ xấu hổ và ô nhục của nạn nhân bằng cách duy trì thông tin bảo mật của nạn nhân, và làm việc với các Tổ Chức Phi Chính Phủ, cộng đồng và chính các nạn nhân để hiểu biết và giải quyết các mối quan ngại trong việc phát triển các chính sách bảo vệ.
- ✓ **Nâng cao nhận thức của công chúng về nạn buôn người để cải thiện nhận diện nạn nhân:** Các Chính Phủ cần khởi xướng và hỗ trợ các chiến dịch nâng cao nhận thức của công chúng về các tình trạng buôn người họ có thể gặp phải. Điều tốt nhất cho chiến dịch này là giải thích cho các đối tượng mục tiêu a) buôn người là gì và các hình thức buôn người và b) các hành động cụ thể mà các cá nhân có thể thực hiện, và cung cấp các chi tiết cho việc giới thiệu đến cơ quan chức năng phù hợp, bao gồm thông tin về đường dây nóng.
- ✓ **Tăng cường năng lực của các đối tác liên quan khác nhau tham gia trong nhận diện:** Đưa ra các hướng dẫn và thủ tục vận hành rõ ràng để làm rõ vai trò và trách nhiệm của nhiều các cơ quan Nhà nước và các tổ chức liên quan khác trong các quá trình nhận diện hiệu quả.
- ✓ **Tổ chức tập huấn nhận diện cho những người có thể tiếp xúc với các nạn nhân buôn người:** Điều quan trọng là ưu tiên tập huấn cán bộ tuyến đầu trong việc nhận diện các nạn nhân buôn người. Đồng thời cần xem xét tổ chức tập huấn cho giáo viên, nhà báo, chuyên gia y tế, các tổ chức khu vực tư nhân và những người khác trong cộng đồng vốn có thể tiếp xúc với các nạn nhân buôn người, và trang bị cho họ với các chỉ số để đóng một vai trò trong việc nhận diện nạn nhân.

- ✓ **Tăng cường nhận diện nạn nhân buôn người trẻ em:** Thực hiện các thủ tục nhận diện nhanh các nạn nhân buôn người trẻ em giả định và thông báo ngay lập tức cho các nhà cung cấp dịch vụ trẻ em chuyên biệt, thông qua các phương pháp nhận diện cung cấp cả hai khả năng:
 - Giả định về thiếu số, và
 - Giả định về tình trạng nạn nhân.
- ✓ **Hỗ trợ sử dụng các kỹ thuật phỏng vấn nhạy cảm nạn nhân:** Đảm bảo người tiến hành phỏng vấn được trang bị các kỹ năng phù hợp để giải quyết các xem xét về ngôn ngữ, giới tính, tuổi tác và văn hóa. Khi có thể, tham khảo ý kiến cá nhân người được phỏng vấn về lựa chọn ưa chuộng của họ, và đáp ứng chúng ở mức thích hợp.
- ✓ **Đảm bảo các thủ tục nhận diện cho phép giới thiệu người xin tị nạn thích hợp:** Các Chính Phủ không nên liên hệ với các đại diện ngoại giao của nước xuất xứ để nhận diện khi một người đã nộp đơn xin tị nạn hoặc có lý do để tin rằng một người là người tị nạn.
- ✓ **Xem xét các chỉ số trọng lượng:** Các Chính Phủ cần xem xét các chỉ số trọng lượng để giúp những người có trách nhiệm nhận diện nạn nhân để thiết lập ưu tiên một số loại thông tin nhất định. Phương pháp đưa ra của ILO và Ủy Ban Châu Âu xếp hạng mỗi chỉ số là mạnh, trung bình hay yếu, với điều kiện là một chỉ số đơn lẻ có thể xem là mạnh đối với trẻ em trong khi được xem là trung bình đối với người lớn, hay mạnh đối với bóc lột tình dục và yếu đối với bóc lột lao động.
- ✓ **Điều chỉnh chỉ số theo bối cảnh:** Các danh sách chỉ số đạt hiệu quả nhất khi chúng được điều chỉnh thích ứng với tình trạng cụ thể mà cơ quan chức năng gặp phải trong công tác của họ. Các Chính Phủ nên cập nhật các danh sách chỉ số thường xuyên, để đảm bảo tình phù hợp tiếp diễn với xu hướng buôn người thay đổi.

Tiến Trình Bali



Liên Hệ

Văn Phòng Hỗ Trợ Khu Vực – Tiến Trình Bali
Tầng 27 Toà Nhà Rajanakarn
3 Đường South Sathorn, Sathorn Bangkok 10120, Thái Lan
Tel. +66 2 343 9477 Fax. +66 2 676 7337
info@rso.baliprocess.net



Tiến Trình Bali

về Đưa Người Di Cư Trái Phép, Nạn Buôn Người và
Tội Phạm Xuyên Quốc Gia Liên Quan